

ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ
TÒA THÁNH TÂY NINH



ĐỜI SỐNG NGƯỜI ĐỆ TỬ CAO ĐÀI

H U Y N H T Â M



TÀI LIỆU SƯU TẦM 2014
hai • không • một • bốn

Ebook được làm theo **ẤN-BẢN** phổ biến trên Website của **CAODAITV.FREE.FR**. Mọi góp ý, đề nghị bỏ túc, sửa đổi những sơ sót, có thể có, xin vui lòng gửi điện thư vào địa chỉ: *tamnguyen351@live.com*

Thành thật tri ơn **HIÊN HỮU HUỠNH TÂM, BAN PHỤ TRÁCH PHỔ BIẾN KINH SÁCH WEBSITE CAODAITV.FREE.FR** đã bỏ nhiều tâm-huyết và công sức trong việc sưu tập, biên khảo, đánh máy, in ấn hay phổ biến trên Website ngõ hầu **GIÁO-LÝ ĐẠI-ĐẠO** được phổ truyền rộng rãi, lưu lại di-sản tinh-thần vô-giá cho thế-hệ hiện tại và nhiều thế-hệ tiếp nối mai sau.

California, 11/12/2014

Tâm Nguyên



ĐỜI SỐNG NGƯỜI ĐỆ TỬ CAO ĐÀI

H U Y N H T Â M



MỤC LỤC

I.- LỊCH SỬ LẬP GIÁO	7
II.- TỔ CHỨC ĐẠO CAO ĐÀI.....	11
▪ A) PHẦN QUYỀN	11
▪ B) TỔ CHỨC.....	11
III.- TÔN CHỈ MỤC ĐÍCH	15
▪ NHẬP MÔN	16
□ I.- NGHI LỄ NHẬP MÔN	16
□ II.- SỐ CẦU ĐẠO	16
□ III.- TẠI SAO PHẢI NHẬP MÔN	17
□ IV.- GIẢI OAN TẮM THÁNH.....	18
▪ ĂN CHAY.....	21
□ 1. LUẬT ĐẠO VỀ VIỆC ĂN CHAY	21
□ 2.- Ý NGHĨA CỦA SỰ ĂN CHAY	25
□ 3.- TÁC DỤNG THẦN QUYỀN.....	27
▪ THỜ CÚNG	30
□ I. CÚNG ĐẠI ĐÀN TẠI THÁNH THẤT	30
□ II. CÚNG ĐẠI ĐÀN TẠI TÒA THÁNH.....	35
□ III. SỰ KHÁC BIỆT VỀ NGHI TIẾT CÚNG TIỂU ĐÀN VÀ ĐẠI ĐÀN	37
□ IV. CÚNG ĐÀN TẠI ĐIỆN THỜ PHẬT MẪU.....	38
□ V.- NGHI TIẾT CÚNG TƯ THỜI TẠI TÒA THÁNH, THÁNH THẤT VÀ ĐỀN THỜ PHẬT MẪU.....	41
□ VI.- THỜ CÚNG TẠI TƯ GIA	43
□ VII.- TẠI SAO PHẢI THỜ CÚNG	43
▪ LÀM CÔNG QUẢ.....	47
□ I.- ĐỊNH NGHĨA	47

□	II.- TẠI SAO PHẢI LÀM CÔNG QUẢ.....	49
■	KINH THỂ ĐẠO.....	52
□	I.- GIỚI THIỆU CÁC BÀI KINH	52
□	II.- CÁCH ÁP DỤNG	54
□	III.- TÁC DỤNG TÂM LÝ VÀ THẦN QUYỀN.....	55
■	ĐỜI SỐNG HÔN NHÂN	58
□	I.- LUẬT VỀ HÔN PHỐI.....	58
□	II.- PHÉP HÔN PHỐI.....	61
□	III.- VAI TRÒ CỦA NGƯỜI MẸ ĐỐI VỚI CÁC CHƠN LINH GIÁNG TRẦN.....	63
□	IV.- ẢNH HƯỞNG CỦA ĐỜI SỐNG TÌNH DỤC	64
■	LUẬT PHÁP ĐẠO	66
□	NGŨ GIỚI CẤM	67
□	TỨ ĐẠI ĐIỀU QUY	68
	KẾT LUẬN	71

I.- LỊCH SỬ LẬP GIÁO

DẠO CAO ĐÀI LÀ MỘT TÔN GIÁO LỚN PHÁT XUẤT tại Việt Nam từ năm 1926, còn có danh gọi là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

a) Quan phủ Ngô Văn Chiêu là một người có khuynh hướng tu Tiên, thường hay lập đàn cầu cơ thỉnh Tiên về học Đạo và xin thuốc chữa bệnh, ông có gặp Đức Cao Đài và có thờ Ngài. Đức Cao Đài có hiện hình Thiên Nhân (con mắt) làm một huyền diệu để ông đủ tin tưởng và lấy đó làm biểu tượng thờ phượng. Sự việc đã xảy ra tại đảo Phú Quốc trong khi ông đang làm quan cho chính quyền Pháp vào năm 1921. Quan phủ Ngô Văn Chiêu là đệ tử đầu tiên của Đức Cao Đài, sau có thêm một số đệ tử nữa cùng tu hành với ông, nhưng những hoạt động của những vị này chưa phát triển thành tôn giáo.

b) Từ năm 1924 – 1925, phong trào xây bàn cầu cơ chấp bút lan rộng và phổ thông hơn trước. Tại Saigon, một số người Việt Nam làm công chức cho Pháp, thường đêm

tụ họp nhau lại xây bàn thỉnh vong linh người quá cố về hạ thi để tiêu khiển, và hỏi thăm về thế giới vô hình cùng tương lai vận mạng của chính mình và dân tộc.

Trong số các Chơn linh giáng hạ có một Chơn linh đến với một điển lực mạnh phi thường, không chịu xưng danh mà chỉ xưng là ông A, Ẫ, Ậ. Mãi đến đêm Noel 1925 Ông A, Ẫ, Ậ mới cho biết chính Ngài là Đức Chí Tôn, là Ngọc Hoàng Thượng Đế, Ngài đến để lập Đạo Cao Đài. Ngài xưng danh như sau:

***“Ngọc Hoàng Thượng Đế viết Cao Đài Tiên Ông
Đại Bồ Tát Ma Ha Tát Giáo Đạo Nam Phương”***

Từ đó Đức Chí Tôn thường giảng dạy về đạo lý, chỉ biểu cách thành lập Hội Thánh, phong tước phẩm cho những chức sắc buổi ban sơ cùng thân nhận đệ tử. Các ông Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, Cao Hoài Sang, Lê Văn Trung... và số bạn bè trong nhóm trở thành chức sắc lớn trong Hội Thánh. Quan trọng hơn hết là vai trò của Hộ Pháp Phạm Công Tắc giữ phân nửa quyền hành trong Đạo.

Đến ngày 01-9 Bính Dần (07-10-1926) 28 người đại diện ký tên vào một Tuyên Ngôn Khai Đạo gửi lên nhà cầm quyền Pháp. Kể từ đây Cao Đài đã trở thành một tôn giáo về mặt pháp lý tại thế gian.

Tóm lại, lịch sử lập giáo Đạo Cao Đài (Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ) có những thời điểm chính như sau:

- Từ năm 1921 Quan Phủ Ngô Văn Chiêu đã biết thờ Đức Cao Đài.
- 1925 Đức Cao Đài xưng danh là Ngọc Hoàng Thượng Đế và tuyên bố Giáo Đạo Nam Phương.

– 1926 một số môn đồ đầu tiên ký tờ Tuyên Ngôn Khai Đạo gửi cho chính quyền Pháp.

– Đạo Cao Đài thành hình một tôn giáo, bành trướng mạnh mẽ từ năm 1926 trở đi, trung ương đặt tại Tây Ninh.

II.- TỔ CHỨC ĐẠO CAO ĐÀI

II.- TỔ CHỨC ĐẠO CAO ĐÀI

A) PHẦN QUYỀN

Cao Đài Giáo quan niệm rằng trong cơ trị thể có hai quyền hành là Thiên Thượng và Thiên Hạ.

- ✘ **Quyền Chí Linh:** là quyền của Đức Chí Tôn và các đấng trọn lành tức là Thiên Thượng.
- ✘ **Quyền Vạn Linh:** là quyền của ba hội: Hội Nhơn Sanh, Hội Thánh và Thượng Hội hiệp lại thế cho Thiên Hạ.

Bởi Đạo Cao Đài là dân chủ nên quyền Chí linh (tức Thiên Thượng) cho Vạn linh (tức Thiên hạ) rộng quyền tự lập luật mà tu hành.

B) TỔ CHỨC

Về tổ chức có ba đài: một vô hình, hai hữu hình.

- ✘ **Bát Quái Đài:** thuộc về vô hình, do Đức Chí Tôn và Đấng trọn lành điều khiển, vận dụng năng lực thần bí trong vũ trụ để thúc đẩy cơ sanh hóa và giục tấn các đấng chơn hồn.
- ✘ **Hiệp Thiên Đài:** là cơ quan bán hữu hình, vì nơi đây có

chức sắc hữu hình làm việc, được thông công với Bát Quái Đài để nhận mệnh lệnh hay lời chỉ giáo của quyền Chí Linh. Đứng đầu Hiệp Thiên Đài là Hộ Pháp Hiệp Thiên Đài có nhiệm vụ bảo thủ chơn truyền luật pháp của Đạo.

✘ **Cửu Trung Đài:** là cơ quan hữu hình, có nhiệm vụ tổ chức đời sống của tín đồ cho phù hợp với chơn pháp Tam Kỳ Phổ Độ, cầm quyền hành chánh, thi hành luật pháp Đạo, truyền bá đức tin.

Đứng đầu Cửu Trùng Đài là Giáo Tông.

Giáo Tông là anh cả của mọi tín đồ. Về mặt hữu hình, Hộ Pháp là em của Giáo Tông, nhưng về phần Thiêng liêng thì đồng vị. Toàn thể chức sắc làm việc trong hệ thống Cửu Trùng Đài hiệp lại thành Hội Thánh Cửu Trùng Đài, có cả nam phái và nữ phái quyền hành riêng biệt.

Toàn thể chức sắc làm việc trong hệ thống Hiệp Thiên Đài hiệp lại thành Hội Thánh Hiệp Thiên Đài.

Hội Thánh Phước Thiện nằm bên Hiệp Thiên Đài và đặt dưới sự lãnh đạo tối cao của vị Chương quản Hiệp Thiên Đài là Hộ Pháp.

Tổ Chức Hội Thánh Cửu Trùng Đài

Trung ương đặt tại Tòa Thánh Tây Ninh, địa phương gồm các tỉnh Trung và Nam phần Việt Nam, một số tỉnh ở miền Bắc. Ở ngoại quốc cũng có vài nước có cơ sở Đạo Cao Đài như: Pháp, Nhật, Cam-bốt, Congo...

► **Tại trung ương có chín viện, gọi theo chữ Hán là Cửu viện chia đều cho ba phái:**

– **Phái Thái** điều khiển:

- Hộ viện coi về tài chánh.
- Lương viện coi về lương thực.
- Công viện coi về đường sá, dinh thự.
- **Phái Thượng** điều khiển:
 - Học viện coi về giáo dục.
 - Y viện coi về y tế.
 - Nông viện coi về canh nông
- **Phái Ngọc** điều khiển:
 - Hòa viện coi về an ninh, hòa giải.
 - Lại viện coi về hành chánh đạo.
 - Lễ viện coi về tế tự, nghi lễ.

► **Tại địa phương có:**

- **Trấn Đạo** gồm nhiều Châu Đạo (Tỉnh Đạo)
- **Châu Đạo** gồm nhiều Tộc Đạo (Quận Đạo)
- **Tộc Đạo** gồm nhiều Hương Đạo (Xã, Làng Đạo)
- **Hương Đạo** gồm nhiều Ấp Đạo (Tại Châu Thành Thánh Địa, **Phận Đạo** tương đương với Tộc Đạo).

Đơn vị hành chánh là Hương Đạo, có công cử Bàn Trị Sự điều khiển tất cả mọi việc trong Hương Đạo.

Những chức vụ trong **Bàn Trị Sự** gồm có:

- **Chánh Trị Sự** nắm quyền hành chánh và luật lệ trong Hương Đạo.
- **Phó Trị Sự** nắm quyền hành chánh trong Ấp Đạo.
- **Thông-Sự** là người thay mặt Chánh-Trị-Sự trong một Ấp, gọi là Thông-Lý-Đạo, để lo về phần Luật-lệ.
- Và một số Biện đạo, Tuần đạo, Thư tín...

II.- TỔ CHỨC ĐẠO CAO ĐÀI

Theo luật Đạo, tín đồ liên lạc thường xuyên nhưt với các chức việc Bàn Trị Sự trong các dịp quan, hôn, tang, tế. Bàn Trị Sự là cơ quan có thẩm quyền xét định và cấp giấy chứng nhận về hạnh kiểm và đức tánh của tín đồ. Giấy này rất quan trọng trong mọi hồ sơ về tôn giáo. Chức việc Bàn Trị Sự có quyền phân xử những vụ tranh chấp giữa những tín đồ với nhau, thường thường dưới hình thức hòa giải, nếu không xong sẽ đệ trình thượng cấp xét định.

III.- TÔN CHỈ MỤC ĐÍCH

DỨC CHỈ TÔN LẬP ĐẠO CAO ĐÀI ĐỂ DẠY CHO con người làm lành lánh dữ, lập công bồi đức, để trở thành người hiền, người tốt tại thế gian, khi chết Chơn linh được trở về ngôi vị cũ trong cõi Thiêng Liêng Hằng Sống, tùy theo công đức nhiều ít mà đạt đến địa vị Thần, Thánh, Tiên, Phật.

Còn đối với xã hội, Ngài muốn cho nhân loại có tư tưởng đại đồng, biết thương yêu nhau, coi nhau như anh em một nhà, thờ một Ông Cha chung.

Ngài xác định tất cả các Đạo giáo, các giáo thuyết đã có từ trước đến nay đều do chính Thiên-ý Ngài lập ra. Sở dĩ có sự khác biệt giữa các Đạo giáo là vì phong tục, tập quán, trình độ dân trí của các dân tộc khác nhau tùy theo thời kỳ và tùy theo từng vùng đất trên địa cầu.

Nay chính mình Đức Chí Tôn đến, Ngài gom góp những cái hay của tất cả đạo giáo, chỉ dạy thêm những điều mới lạ mà lập thành Tam Kỳ Phổ Độ nên gọi là Quy Nguyên Tam Giáo (Nho giáo, Phật giáo, Lão giáo), Phục

Nhứt Ngũ Chi (Nhơn đạo, Thần đạo, Thánh đạo, Tiên đạo, Phật đạo).

NHẬP MÔN

I.- NGHI LỄ NHẬP MÔN

Bước đầu tiên để một người thường trở thành tín đồ Cao Đài là phải nhập môn cầu Đạo. Đây là một nghi lễ hữu hình nhưng nó có giá trị tâm linh và Hội Thánh, cũng như hầu hết các tôn giáo khác đều làm.

Người nhập môn phải qui trước Thiên Bàn và nói lên lời minh thệ của mình đại ý như sau:

“Tôi tên là tuổi, thề rằng: Từ đây biết một Đạo Cao Đài Ngọc Đế chẳng đổi dạ thay lòng, hiệp đồng chư môn đệ gìn luật lệ Cao Đài, như sau có lòng hai thì Thiên tru Địa lục”.

Người chứng lễ là một vị chức sắc đương quyền hành chánh ở cấp nào cũng được. Tại các địa phương hẻo lánh, không có chức sắc hành Đạo thì vị Chánh Trị Sự cũng được phép chứng lễ nhập môn.

II.- SỚ CẦU ĐẠO

Sau nghi lễ, người xin nhập môn đã chính thức trở thành tín đồ Cao Đài và được cấp một giấy chứng nhận gọi là “*Sớ Cầu Đạo Tạm*”. Sau sáu tháng tập sự làm quen với các sinh hoạt tôn giáo như cúng lạy, ăn chay... Nếu chứng tỏ được tinh thần hướng thiện của mình người tân tín đồ sẽ được cấp “*Sớ Cầu Đạo Thiệt Thọ*” thay cho Sớ Cầu Đạo Tạm.

Sớ Cầu Đạo Thiệt Thọ này sẽ dùng trong suốt đời mình, khi chết sẽ được đốt đi, ý nghĩa là để cho linh hồn của người chết sử dụng.

Trên sớ Cầu Đạo có ghi tên của hai người tiến dẫn mình đi vào cửa Đạo. Hai người tiến dẫn có trách nhiệm suốt đời đối với người mới nhập môn.

Sau này, nếu người tín đồ lập được công đức lớn, người tiến dẫn cũng chung hưởng được một phần công nghiệp, còn nếu làm điều đại tội trong cửa Đạo, người tiến dẫn cũng phải chung chịu một phần trách nhiệm.

Tuy luật lệ hữu hình không ràng buộc nghiêm khắc như vậy, nhưng về mặt tâm linh quả thật có như thế. Cho nên khi đã kết nghĩa làm bạn đạo với nhau, phải biết giữ gìn cho nhau khỏi bị sa ngã, đối xử với nhau bằng lòng thành thật tín nhiệm và hòa hiệp, là những điều căn bản y như lời kinh đã dạy:

“Đạo gốc bởi lòng thành tín hiệp...”

III.- TẠI SAO PHẢI NHẬP MÔN

Làm lễ nhập môn có ích lợi gì?

Tại sao phải minh thệ?

Về mặt hữu hình, trước nhất nó có ý nghĩa của một lời tuyên thệ công khai rằng người tín đồ bằng lòng đặt mình trong kỷ luật của Hội Thánh. Hành động này hoàn toàn tự do, có ý thức, không ai bắt buộc mình cả. Rồi tự mình khép khuôn trong kỷ luật ấy, vì danh dự của tập thể, vì sự tôn trọng lời hứa mà các bạn đạo, chức việc, chức sắc bề trên mới có thể và có quyền can thiệp vào đời sống tư riêng của mình buộc phải sửa đương cho nên hiền, nên

III.- TÔN CHỈ MỤC ĐÍCH

Thánh. Thoảng như mình không gia nhập vào Đạo Cao Đài thì những người kia chỉ là xa lạ, đâu ai có quyền can dự vào đời sống của mình, ngăn cản, khuyên bảo việc dữ, điều lành. Và lại chung sống với nhau trong đoàn thể, anh ngã em nâng, đâu đâu cũng có bạn hữu là một điều lợi trước mắt cả về tinh lẫn vật chất.

Còn về phương diện vô hình, khi người tín đồ lập thế rồi thì sẽ được Thần linh theo phò hộ, nếu họ thật tâm cải tà qui chánh. Đây là điểm hệ trọng, con người có thể đối gạt được người phạm nhưng không thể nào đối gạt được Thần linh. Thần linh đến phò hộ chúng ta bằng sự giao cảm, nên nếu không thật tâm tu hành, dầu đã nhập môn cũng sẽ chẳng thấy một ân huệ nào cả. Và lại nếu không dám hứa nhập môn theo Đạo trước mặt Thần linh thì Thần linh không nhận mình làm đệ tử. Ấy là lẽ đương nhiên.

Lúc mới khai đạo tại Cần Giuộc, có một Đoàn Cơ, Đức Chí Tôn giảng dạy như sau:

“Quý vương đến trước Bạch Ngọc Kinh xin hành xác và thử thách các con. Thấy chẳng cho hành xác, chúng nó hiệp Tam Thập Lục Động toan hại các con, nên Thấy sai Quan Thánh và Quan Âm đến giữ gìn các con. Nhưng phần đông chưa lập minh thế nên chư Thánh, Thần, Tiên, Phật không muốn nhìn nhận”.

■ *(Thánh ngôn Hiệp Tuyển Quyển 1, 1969 – trang 37)*

IV.- GIẢI OAN TẮM THÁNH

Còn một điều ích lợi nữa về mặt thân quyền là sau khi lập thế rồi, nếu may duyên gặp được vị chức sắc có thọ truyền Bửu pháp sẽ được làm phép giải oan để rửa sạch tội

tình oan nghiệt đã gây ra từ trước. Tâm thần của người tín đồ sẽ cảm thấy nhẹ nhàng hơn trước. Bí pháp này nhằm đem đến cho thể xác ân điển thiêng liêng thanh khiết, xua đuổi tà khí ra khỏi xác thân. Đức Chí Tôn có dạy:

“Chơn thân của các con gặp tà khí thì khó chịu nên Thầy xuống điển nhiều để ngăn tà mị, một đôi khi phải nhập xác vì điển xuống nhiều. Cũng một lễ ấy mà mỗi lần lập thệ đều có nhập xác”.

■ *(Thánh Ngôn Hiệp Tuyển Quyển II, 1970 – trang 90)*

Đối với trẻ sơ sinh, cha mẹ có bốn phận phải đem nó lên Thánh Thất hay Đền Thánh để làm phép Tắm Thánh. Điều thứ 12 chương thể luật của Bộ Tân Luật ĐĐTKPĐ ghi rõ như sau:

“Đứa con nít khi được một tháng sắp lên phải đem lên Thánh Thất sở tại mà xin làm lễ Tắm Thánh và ghi vào Bộ Sanh của bốn đạo”.

Sau nghi lễ này, đứa trẻ sẽ được coi là tín đồ trên mặt pháp lý. Nó được cấp giấy chứng nhận gọi là “*Giấy Tắm Thánh*”. Cha mẹ có bốn phận gìn giữ giấy này cho đến khi nó trưởng thành. Theo luật lệ hiện hành của Hội Thánh, đến năm 18 tuổi, đứa trẻ được coi là trưởng thành. Nó phải làm lễ nhập môn minh thệ và đem giấy tắm thánh đổi lấy Sớ Cầu Đạo Thiệt Thọ. Hội Thánh sẽ ghi tên nó vào Bộ Đạo chính thức từ đây. Sở dĩ có sự ràng buộc này là khi còn bé thơ, cha mẹ đem nó đi Tắm Thánh, nó chưa có ý thức gì về hạnh động này cả. Việc làm này hoàn toàn do cha mẹ định đoạt. Giờ đây đứa bé đã trưởng thành nó có ý thức và trách nhiệm đối với mọi hành động của nó. Nó được hoàn toàn tự do xác định rằng nó muốn theo Đạo Cao Đài hay không tùy ý nó. Thoảng như nó nhất

III.- TÔN CHỈ MỤC ĐÍCH

quyết từ chối không theo Đạo, luật lệ của Hội Thánh cũng không buộc tội nó hoặc cha mẹ nó. Nếu không nhập môn, không có Sứ Cầu Đạo thì kể là không có Đạo.

Còn về mặt thần quyền, Bí pháp Tắm Thánh cũng có ý nghĩa như phép Giải oan, nghĩa là đem ân điển thiêng liêng truyền vào cơ thể hài nhi để giúp nó phát triển dễ dàng cả về tâm linh lẫn thể chất theo chiều hướng tốt đẹp. Đối với trẻ người ta coi là vô tội, ít nhứt từ khi mới sinh ra, nên dùng chữ “*Tắm Thánh*” chứ không dùng chữ “*Giải Oan*” vì nó chưa gây nên oan nghiệt gì cả.

Tại sao cha mẹ có bốn phận phải đem con đi làm lễ Tắm Thánh?

Khi một Chơn linh xuống trần, quyết định chọn lựa gia đình có đạo đức để đầu thai làm con, Chơn linh ấy xét thấy có nhiều hy vọng để được bậc cha mẹ nuôi dưỡng suốt thời kỳ thơ ấu trong nếp sinh hoạt đạo đức, hy vọng được hưởng ân huệ của Đức Chí Tôn ban cho trong Tam Kỳ Phổ Độ này, được Chí Tôn ân xá tội tình từ kiếp trước. Nếu bậc cha mẹ không đem trẻ con đi Tắm Thánh, nó sẽ không hưởng được ân lành của Đức Chí Tôn ban cho và con đường tấn hóa của nó có thể gặp trở ngại vì những quả nghiệp xấu mà nó đã gây ra từ bao kiếp trước và vì chưa được ân xá nên phải trả theo luật công bình thiêng liêng vậy. Trách nhiệm ấy về phần cha mẹ gánh chịu trực tiếp vì bậc cha mẹ là người hiểu Đạo mà không lo tròn bốn phận đối với con trẻ, làm chậm trễ con đường tấn hóa của các Chơn linh xuống trần.

ĂN CHAY

1. LUẬT ĐẠO VỀ VIỆC ĂN CHAY

– Điều thứ 12 Bộ Tân Luật của Đạo Cao Đài ban hành từ ngày lập giáo đến giờ qui định như sau:

“Nhập môn rồi gọi là tín đồ. Trong hàng tín đồ có hai bậc: Một bậc còn ở thế có vợ chồng làm ăn như người thường song buộc phải trai kỳ hoặc 6 hay 10 ngày trong tháng, phải giữ ngũ giới cấm và phải tuân theo Thế Luật của Đại Đạo truyền bá. Bậc này gọi là người giữ Đạo mà thôi, vào phẩm hạ thừa. Một bậc đã giữ trường trai, giới sát gọi là vào phẩm thượng thừa”.

– Điều thứ 14 nói rằng:

“Chức sắc cai trị trong Đạo từ bậc Giáo Hữu sắp lên phải chọn trong bậc người thượng thừa mà thôi”.

Ăn chay theo Đạo Cao Đài có nghĩa là nuôi dưỡng cơ thể bằng chế độ thực phẩm gốc ở thực vật. Người tín đồ không được phép ăn thịt của bất cứ loại động vật nào trong ngày chay lạt từ con thú lớn như thịt bò, thịt heo cho đến tôm cua. Nói một cách khác, thực phẩm mà họ dùng không do một vụ sát sanh động vật mà có.

Trong thời hạn 6 tháng tập sự kể từ ngày nhập môn, người tín đồ phải cố gắng ăn chay từ 6 ngày mỗi tháng, tập lần lên đến 10 ngày mỗi tháng, và có thể dừng lại ở mức này cho đến suốt đời nếu không muốn đi xa hơn nữa.

Những ngày chay được tính theo âm lịch:

– Trai kỳ 6 ngày mỗi tháng là: Mồng 1, 8, 14, 15, 23 và 30 (tháng thiếu thì ăn chay ngày 29 thế cho ngày 30).

III.- TÔN CHỈ MỤC ĐÍCH

– Trai kỳ 10 ngày mỗi tháng là: 1, 8, 14, 15, 18, 23, 24, 28, 29 và 30 (tháng thiếu thì ăn chay ngày 27).

Tưởng cũng nói rõ nơi đây vấn đề dùng trứng, sữa, tôm khô, cua hay mực.

Tôm, cá, mực, cua là những loại động vật, ăn thịt những loại này, dù khô hay tươi vẫn phải kể là ăn mặn. Sữa gốc ở cơ thể động vật tiết ra, nhưng không phải là sát sanh, nên được phép dùng trong ngày chay. Vấn đề trứng phức tạp hơn, hiện nay hai loại trứng thường dùng trong thực phẩm là trứng gà và trứng vịt, thực phẩm này cũng lấy từ cơ thể động vật mà ra, dù không sát sanh con thú mẹ nhưng nếu có trứng, trứng có thể hườn nguyên hình một con thú mới. Do đó ăn loại trứng có trứng này là gián tiếp ăn thịt một con thú sắp tượng hình. Trường hợp ăn trứng đã tượng hình rồi thì đương nhiên là đang ăn thịt một con “*thú con*”, vậy không thể nào gọi là ăn chay được.

Nếu trứng không có trứng thì trứng ấy chẳng khác nào một thứ sữa do thú vật bài tiết ra, dù có ấp cũng không nở ra con được, người ăn chay có thể tạm dùng được ngoài 10 ngày chay và trong lúc bệnh hoạn, kém sức.

Nếu phải xếp loại, chúng ta có thể hiểu như thế này, giữa hai hạng người trường trai hoàn toàn (dùng toàn thực phẩm gốc ở thực vật) và hạng ăn mặn (dùng thịt của thú vật) có một hạng ở giữa cũng ăn chay nhưng còn dùng sữa thú vật và trứng không trứng.

Tóm lại, dùng tôm, cua, khô mực, trứng có trứng, không thể kể là ăn chay được. Nếu cá nhân người nào còn dùng những thức ăn này ấy là vì cơ thể họ chưa quen được với chế độ trường trai đúng nghĩa, họ đang tập lần,

chớ luật Đạo Cao Đài không có phép dùng những thức ăn này trong ngày chay. Có nhiều người đã hiểu lầm về việc này. Hành động của cá nhân là một việc, không thể nào đồng hóa với luật pháp được.

– Ăn chay bù: Vấn đề thứ hai là có thể ăn chay vào một ngày khác hơn ngày ấn định để bù lại vì đã ăn mặn vào một ngày chay, hay vì những lý do nào đó, thí dụ: tiệc tùng, hay vì nể lời nói của bạn bè hay chính mình không nhớ ngày ăn chay...

Nhập môn cầu đạo là hành động tự nguyện, hứa tòng theo luật Đạo cũng là hành động tự nguyện, không ai bắt buộc mình, nhưng một khi đã cam kết tức phải có sự ràng buộc, nếu một người đã cam kết điều gì rồi chính mình xem lời hứa của mình như không có, còn ai có thể tin mình được? “*Nhơn vô tín bất lập*”, cổ nhân vẫn thường nói, vì vậy mà giáo luật có tính cách bắt buộc người tín đồ phải giữ trai giới trong những ngày đã ấn định. Để tập cho họ có đức tính tốt là luôn luôn phải nhớ lời hứa, chứng tỏ một nghị lực, muốn vượt qua những cám dỗ của thể xác và đời sống trần tục, một ý chí muốn tu hành. Ít nữa trong một phạm vi nhỏ hẹp là sự ăn uống, giữ đúng trai kỳ là một hành động nói lên phần nào tinh thần của người tín đồ quyết tâm làm chủ thân xác và dục vọng của mình. Ý chí ấy là một điều kiện rất quan hệ và cần thiết trong mọi cố gắng cải thiện con người mình. Ăn chay bù lại những ngày không giữ được giới luật là hành động dễ dãi nuông chiều dục vọng của mình. Nếu không thể giữ được tốt hơn nên can đảm nhìn nhận khả năng của mình đến mức đó, ấy rồi cố gắng khắc phục dần dần những trở ngại chớ không nên tìm cách đánh tráo để cho tâm trí

mình được yên ổn.

Trai kỳ đã được ấn định thành quy luật, tức cần được phải tuân theo, chúng ta không nên sửa cải, thay thế ngày chay này bằng một ngày chay khác. Đành rằng Đức Chí Tôn có hứa “*giữ trai kỳ 10 ngày đổ lên trong tháng thì được thọ truyền bữu pháp*”, thay thế ngày này bằng ngày khác thì tổng số cũng đủ 10 ngày, song về mặt tâm lý đã tỏ rõ yếu kém, xem lời mình thệ “*gìn luật lệ Cao Đài*” nhẹ hơn lời mời của bạn hữu trong bữa tiệc hay trong một cơn thèm muốn của vị giác. Tóm lại đối với vấn đề ăn chay bù này không nên để đuôi đối với xác thân, mà cần phải buộc nó tuân theo kỷ luật tối thiểu của đời tu để làm căn bản.

- Không ăn chay, làm việc thiện:

Tớ đây một vấn đề được đặt ra là nếu như một người không ăn chay mà làm việc thiện, có tính tốt với mọi người thì sao? Người ta vẫn hỏi như vậy và còn có ý so sánh với những kẻ ăn chay nhưng hành động thường nhật rõ ràng chẳng tốt đẹp gì. Dĩ nhiên ăn chay chỉ là việc nhỏ trong đời sống của người tín đồ, còn phải làm nhiều việc khác nữa, như là sự trau dồi tâm linh mình cho nên Hiền nên Thánh. Còn sự so sánh, chúng ta nên so sánh mình với những bậc mà thiên hạ đều kính yêu để bắt chước điều hay lẽ phải nơi họ chớ đừng nên so sánh với kẻ giả tu làm gì. Nếu thấy mình hãnh diện khi so sánh với kẻ giả tu hay kẻ có lòng thành nhưng hãy còn ở mức độ thấp kém, chúng ta nên hiểu rằng, niềm hãnh diện ấy chính là lòng kiêu ngạo, khoe khoang của chính mình đã biến dạng thành một trạng thái tâm lý như vậy. Nếu thật sự muốn hoàn thiện chúng ta nên dứt bỏ những ý nghĩ so sánh ấy. Dĩ nhiên sự thành thật là điều đáng quý vô cùng

trong đời sống của người tín đồ. Cố gắng ăn chay không thôi cũng đáng quý, làm việc thiện cũng quý, mà có được cả hai càng tốt, miễn rằng chúng ta thành tâm muốn sửa đổi con người mình luôn luôn.

2.- Ý NGHĨA CỦA SỰ ĂN CHAY

Hành động ăn chay có ý nghĩa gì khiến giáo luật phải buộc nghiêm khắc như vậy?

Chúng ta hiểu rằng chi chi hữu sanh cũng do bởi Chơn linh Đức Chí Tôn mà ra, hễ có sống ắt có Ngài trong đó. Ngài là Cha của sự sống, lòng háo sanh của Ngài không cùng tận. Ngài đã phân tánh Ngài mà sinh ra vạn vật là vật chất, thảo mộc, côn trùng, thú cầm, nhơn loại, gọi chung là chúng sanh.

Nhơn loại là bậc tiến hóa cao hơn các loài kia thì vai tuồng chẳng khác người anh cả trong gia đình đối với các em vậy. Kẻ nào làm được hành động phi thường, yêu thương cả chúng sanh như yêu thương chính thân mình vậy, bảo bọc, nâng niu, che chở cho đời sống của muôn loài vạn vật... kẻ ấy được tôn trọng lên hàng Thần, Thánh, Tiên, Phật. Ngược lại, kẻ nào cướp đoạt mạng sống của chúng sanh để béo bổ thân mình ắt phải bị đền bồi mới đúng luật công bằng tạo hóa. Như thân ta đây lấy từ cát bụi đắp nên hình, chết phải trở về cát bụi. Cỏ cây hút phân mà sống, rồi thú vật ăn cỏ nên hình, người ăn thịt thú và cỏ cây, người chết đi thân thối vữa trở thành phân, đất để cỏ cây đòi lại những chất bổ ấy. Người đã cướp mạng sống của cỏ cây, giờ đây phải đền mạng, để cỏ cây mọc lại trên thân xác mình vừa biến thể.

Tấn tuồng ấy đã tạo thành vòng luân hồi triển miên

III.- TÔN CHỈ MỤC ĐÍCH

từ tạo thiên lập địa đến giờ. Càng sống lâu càng khôn ngoan, luân hồi nhiều kiếp mới đạt đến địa vị con người là anh cả của thú vật, thảo mộc và vật chất, vốn là anh em do một nguồn gốc với nhau từ một Ông Cha chung là Chí Tôn mà ra.

Nếu muốn thoát cửa luân hồi, ngừng nghỉ cuộc tử sanh máu đổ thịt rơi, chỉ có một cách là hãy mở rộng tâm thần nhìn thẳng vào chúng sanh, sẽ thấy hình ảnh của chính mình trong đó, sẽ thấy mọi người là ruột thịt với nhau.

Tình thương thiêng liêng ấy sẽ buộc ta dừng tay chém giết lại. ấy là lòng bác ái, là ý nghĩa của sự ăn chay. Bất sát sanh là lệnh truyền của Đức Chí Tôn và ăn chay là một trong muôn ngàn cách thực hiện lời dạy ấy. Bởi vậy hành động ăn chay phải đi kèm với ý tưởng muốn mở rộng lòng yêu thương của mình xóa bỏ hận thù với tất cả mọi người, mọi vật.

Thế nhưng ăn chay nào tránh khỏi sát sanh đâu, ăn thảo mộc cũng là sanh vật vậy? Quả nhiên như thế, ai đã đến cõi trần này mang lấy xác thân, ắt có luân hồi vay trả, chưa dễ gì không ăn mà sống, nên thôi đành hiệp nhau lại mà làm một điều luật định cho kẻ nào bớt được việc sát sanh, nhứt là đối với những sinh vật thân thích, gần gũi với mình hơn hết, thì đồng công nhận kẻ đó có được lòng thương rộng rãi nên ban cho phẩm vị học đòi theo hàng Thánh, Thần, Tiên, Phật.

Ấy vậy quyền của vạn linh đã định cho kẻ nào chỉ ăn hoa quả, thảo mộc mà sống cũng vào hàng từ tâm, bác ái, cũng đáng gọi là “*bất sát sanh*”, tuy rằng chẳng phải nghĩa cho lắm, nhưng xét ra cũng ít người làm được, thì địa vị

tôn trọng kia cũng không có gì là quá đáng.

Vậy thì hành động ăn chay có ý nghĩa là biết thương mình, thương người, thương cả chúng sanh, tình thương ấy biểu lộ một cách tích cực trong hành động chứ không phải trong lời nói suông.

3.- TÁC DỤNG THÂN QUUYÊN

Thánh giáo của Đức Chí Tôn có dạy rằng:

“Mọi kẻ phạm dưới thế này đều có hai xác thân. Một phạm gọi là Corporel. Còn một thiêng liêng là Spirituel. Mà cái thiêng liêng do nơi cái phạm mà ra nên gọi là bản hữu hình, vì có thể thấy dạng mà cũng không thấy dạng. Cái xác vô hình huyền diệu, thiêng liêng ấy do nơi Tinh Khí Thần mà luyện thành. Nó nhẹ nhàng hơn không khí”

Đức Chí Tôn gọi xác thân thứ hai này là Chơn thân. Ngài lại dạy: *“Nó vẫn là chất, tức hiệp với không khí Tiên Thiên thì hằng có điển quang. Cái Chơn thân buộc phải tinh tấn, trong sạch mới nhẹ hơn không khí, ra ngoài Càn khôn dặng”*.

■ *(Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Quyển I, 1969 – trang 30)*

Một trong những điều kiện để làm cho Chơn thân nhẹ nhàng tinh tấn, trong sạch là người tu phải ăn chay trường, vì phải có thân phạm tinh khiết mới xuất Chơn linh tinh khiết. Lẽ dĩ nhiên chỉ ăn chay trường không thôi không đủ để làm cho người ta trở nên chí Thánh, chí Tiên, chí Phật.

Như điều kiện này rất cần thiết vì khi còn ăn mặn mà luyện đạo, nếu như hườn hình được nhị xác thân, thì

Chơn thân ấy vẫn còn chứa trước khí trong đó, mà trước khí là một chất tiếp diễn nên chưa ra khỏi làn không khí đã bị sét đánh tiêu diệt rồi. Còn nếu như Chơn thân khôn ngoan hơn, không xuất ngoại càn khôn, ẩn núp tại thế, thì kiếp đọa trần cũng chưa mãn.

Vì vậy mà Đức Chí Tôn buộc người tu vào bậc Thượng thừa phải trường trai giới sát. Còn đối với bậc Hạ thừa Ngài không buộc trường trai, song ít nhất phải giữ đặng 10 ngày trai trở lên mỗi tháng. Ngài có hứa rằng kẻ nào giữ đặng trai kỳ 10 ngày trở lên được thọ truyền bửu pháp và Hội Thánh thực hiện lời hứa ấy bằng cách làm phép xác cắt bảy dây oan nghiệt cho người nào tới lúc chết còn giữ được 10 ngày chay mỗi tháng. Về phần chức sắc đã có thọ phép giải thế, chết về đời sống về đạo thì đặng phép độ thẳng, khỏi cắt bảy dây oan nghiệt.

Đức Bát Nương Diêu Trì Cung lại còn giảng rõ về Âm quang như sau:

“... Nơi ấy là những chỗ phạt tù những hôn vô căn, vô kiếp như quả buộc ràng, luân hồi chuyển thế... kỳ thật là nơi để cho các chơn hồn giải thân định trí (một nơi trung gian giữa Thiên đường và Địa ngục hay là mờ mờ mịt mịt). Ấy là một cái quan ải, các chơn hồn khi qui Thiên, phải đi ngang qua đó. Sự khó khăn bước khỏi qua đó là đệ nhất sợ của các chơn hồn. Nhưng tâm tu còn lại chút nào nơi xác thịt con người, cũng nhờ cái sợ ấy mà lo tu niệm. Có nhiều hồn chưa qua khỏi đặng, phải chịu ít nữa đời trăm năm, tùy Chơn thân thanh trước. Chí Tôn buộc trường trai cũng vì quan ải ấy”.

■ *(Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Quyển II, 1970 – trang 88)*

Lời giải thích đã khá rõ ràng ăn chay có tác dụng làm cho Chơn thân được thanh khiết là điều kiện cần thiết để vượt khỏi Âm quang về cõi Thiêng liêng hằng sống.

Hai tiếng thanh trước nơi đây có một ý nghĩa tương đối mà thật vậy, có gì là tuyệt đối trong cõi đời này đâu. Chơn thân của một người được gọi là thanh, xét về phương diện thân quyền, đâu phải chỉ có ăn chay là đủ, mà còn phải muôn ngàn điều kiện khác nữa. Đức Chí Tôn có hứa cho thọ truyền bửu pháp kẻ nào giữ trai giới 10 ngày trở lên. Đó là một điều kiện cần thiết riêng trong lãnh vực ăn uống, chớ thật ra bao nhiêu ngày chay đó cũng chưa chắc đủ làm cho Chơn thân siêu thoát được. Bởi vậy khi hứa cho tín đồ được phép giữ 10 ngày chay, Đức Chí Tôn đã buộc liền, phải tạo nhiều công đức, rồi công đức ấy cộng với sự trai giới định kỳ làm cho Chơn thân tương đối thanh, nó mới có thể nương nhờ nơi ân điển thiêng liêng thanh khiết hơn nhiều lắm, núp theo đó mà thăng dần đến các cõi cao siêu tịch diệt. Ấy vậy mới có những giáo pháp không cần đòi hỏi tín đồ phải giữ trai giới mà vẫn tạo ngôi Thánh, Thần, Tiên, Phật được. Không giữ trai giới nhưng tạo được nhiều công nghiệp, tâm linh rộng mở, môn đồ của những giáo pháp không ăn chay ấy vẫn tạo được Chơn thân thanh theo nghĩa tương đối nên vẫn về được ngôi vị cũ, vẫn được thần linh độ hỗn về cực lạc.

Tích cực là tạo công đức, tiêu cực là trì tâm giới sát, bù qua sót lại tới mức nào đó, thì Chơn thân gọi là thanh, đương nhiên được sống nơi cõi phù hợp với trạng thái của nó.

Đạo vẫn như nhiên, pháp lệnh của trời đất xưa nay vẫn không thay đổi dù giáo pháp của những vị giáo chủ

có đổi thay.

Ấy vậy luật pháp Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ cho ăn chay 10 ngày rồi trường trai không có gì ngược với bí pháp của Đạo Thánh Ki Tô, Đạo nhân của Khổng Tử, Đạo Phật của Thích Ca, hay Vô Vi của Lão Tử... Chúng ta thấy có sự khác biệt ở chỗ có ăn chay hay không, nhưng bí pháp hằng sống của Chơn thần chẳng hề khác nếu người ta chịu hiểu cho đến tận cùng giáo lý của các vị giáo chủ ấy, nhứt là nền tảng siêu hình, là phần Hình Nhi Thượng, chớ đừng hiểu ở ngọn, ở chữ nghĩa của kinh điển.

THỜ CÚNG

I. CÚNG ĐẠI ĐÀN TẠI THÁNH THẤT

Tân Luật Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ điều thứ 19 buộc mỗi tín đồ phải đến Thánh Thất tham dự các đàn cúng vào ngày mồng một và Rằm mỗi tháng âm lịch và sau đó nghe giảng đạo. Trường hợp bận việc riêng bất khả kháng thì được chế giảm.

Để kiểm soát sự siêng năng châu Lễ Đức Chí Tôn của tín đồ, Hội Thánh đã cho áp dụng thể thức cúng số lưu niệm mỗi lần dự lễ. Có hai hình thức cúng đàn: Đại đàn và Tiểu đàn.

Nghi tiết cúng Đại đàn tại các Thánh Thất được tóm lược như sau:

– Đến giờ cúng, Lễ vụ đánh ba hiệp trống, mỗi hiệp 12 hồi, mỗi hồi 12 tiếng. Giờ cúng được ấn định vào thời Tý (00 giờ) hoặc thời Ngọ (12 giờ trưa). Trước khi đánh trống phải đọc câu kệ trống..

▫ **CHÚ KỆ TRỐNG:**

*Lời âm thánh cổ triệt hư không
Truyền tấu Càn khôn thế giới thông
Đạo pháp đương kim đương chánh giáo
Linh quang chiếu diệu Ngọc Kinh Cung*

Dứt mỗi câu kệ phải đánh một tiếng trống hoặc một tiếng chuông tùy theo bài kệ.

– Xong đến 3 hiệp chuông cũng y như đánh trống

▫ **CHÚ KỆ CHUÔNG:**

*Thần chung thánh hướng triệt Phong đồ
Địa tạng khai môn phóng xá cô
Tam kỳ vận chuyển kim quang hiện
Sám hối âm hồn xuất u đồ.*

Dứt mỗi câu kệ phải đánh một tiếng trống hoặc một tiếng chuông tùy theo bài kệ

– Khi chuông đổ được hai hiệp, chức sắc chức việc và tín đồ xếp thành hàng đi vào Thánh Thất, hai tay bắt ấn Tý (Cách bắt ấn Tý như sau: ngón cái của bàn tay trái chỉ vào gốc của ngón áp út, xong nắm các ngón tay lại. Dùng ngón cái của bàn tay phải chỉ vào gốc của ngón trỏ bàn tay trái, còn 4 ngón kia bao phía ngoài bàn tay trái. Khi bắt ấn này thì tâm thần phải yên tịnh.), theo thứ tự nam tả nữ hữu (nhìn từ trong ra ngoài), phẩm lớn trước, phẩm nhỏ sau. Tất cả đứng dọc theo hai bên, mặt quay vào nhau.

– Chuông dứt, Lễ vụ khắc 3 tiếng chuông báo hiệu nhập đàn, tất cả đều xá một xá, xong bước vào giữa chánh điện, mắt nhìn về phía Thiên Nhân.

– Nhạc tấu huân thiên: ban nhạc trời bản hòa tấu rất đặc biệt kéo dài khoảng nửa giờ. Mọi người đều đứng

III.- TÔN CHỈ MỤC ĐÍCH

yên tại vị trí của mình, cố gắng giữ tâm hồn cho yên tịnh.

– Niệm Thánh: dứt phần nhạc, nghe theo tiếng chuông của Lễ vụ tất cả đều xá 3 xá, quì xuống đưa tay lên giữa trán niệm “*nam mô Phật*”, đưa tay bên trái niệm “*nam mô Pháp*”, đưa tay bên phải niệm “*nam mô Tăng*”, đưa tay giữa ngực niệm:

Nam Mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát

Nam Mô Quan Thế Âm Bồ Tát Ma Ha Tát.

Nam mô Lý Đại Tiên Trưởng kiêm Giáo Tông Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Nam mô Hiệp Thiên Đại Đế Quan Thánh Đế Quân.

Nam mô chư Phật, chư Tiên, chư Thánh, chư Thần”.

Mỗi câu niệm phải cúi đầu kính lễ.

– Đọc kinh: niệm Thánh xong đồng nhi bắt đầu đọc các bài kinh sau đây:

▣ **NIỆM HƯƠNG:**

“Đạo gốc bởi lòng tín hiệp...”

Khi dứt lạy 12 lạy, nghĩa là 3 lần cúi xuống, mỗi lần 4 gật (vì mỗi gật tương trưng cho một lạy), mỗi lần gật đầu đều có niệm chú Chí Tôn: “**Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát**”.

– Chú ý khi cúi xuống lạy hai bàn tay xòe ra úp sát mặt đất, giữ cho 2 ngón tay chéo nhau khi ngẩng đầu lên thì bắt ấn Tý lại như cũ.

▣ **KHAI KINH:**

“Biển trần khổ vơi vơi trời nước...”

Khi dứt cúi đầu chớ không lạy.

▣ **KINH NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ:**

“Đại La Thiên Đế...”

Khi dứt lạy 12 lạy như trên, niệm chú Chí Tôn.

▣ **PHẬT GIÁO TÂM KINH:**

“Hỗn độn Tôn sư...”

Lạy chín (9) lạy nghĩa là 3 lần cúi xuống mỗi lần 3 gập. Niệm chú tại mỗi gập: “*Nam mô Nhiên Đăng Cổ Phật Đại Bồ Tát Ma Ha Tát*”.

▣ **TIÊN GIÁO TÂM KINH:**

“Tiên Thiên khí hóa...”

Lạy chín (9) lạy như trên. Niệm chú: “*Nam mô Thái Thượng Đạo Tổ Tam Thanh Ứng Hóa Thiên Tôn*”.

▣ **THÁNH GIÁO TÂM KINH:**

“Quế hương nội điện...”

Lạy chín (9) lạy như trên. Niệm chú: “*Nam mô Khổng Thánh Tiên Sư Hưng Nho Thạnh Thế Thiên Tôn*...”.

▣ **DÂNG TAM BỮU:**

Đồng nhi đọc các bài thài sau đây:

- Dâng Hoa: “*Từ bi giá ngự rạng môn thiên...*”
- Dâng rượu: “*Thiên ân huệ chiếu giáng thiên minh...*”
- Dâng trà: “*Mai Xuân nguyệt cúc vị trà hương...*”

Dứt mỗi bài thài lạy 4 lạy nghĩa là chỉ có một lần cúi xuống, 4 lần gập.

Lời cầu nguyện khi dâng tam bữu như sau:

– Khi dâng hoa cúi đầu xuống cầu nguyện Đức Chí Tôn như sau:

“*Con xin dâng mảnh bình hài của con cho Chí Tôn*”

dùng phương nào thì dùng.”

– Khi dâng rượu cúi đầu xuống cầu nguyện Đức Chí Tôn như sau:

“Con xin dâng cả trí thức tinh thần của con cho Chí Tôn dùng phương nào thì dùng.”

– Khi dâng trà cúi đầu xuống cầu nguyện Đức Chí Tôn như sau:

“Con xin dâng cả linh hồn của con cho Chí Tôn dùng phương nào thì dùng.”

Và cầu nguyện luôn câu sau đây:

“Cả linh hồn, cả trí não, cả hình hài con, Thầy đào tạo, đó là của Thầy thì do nơi quyền hành độc đoán của Thầy định.”

■ *Trích lời thuyết đạo của Đức Hộ Pháp Quyển 1 trang 115.*

▣ **DÂNG SỚ:**

Sau khi đọc sớ và đốt sớ xong, lạy 12 lạy, niệm chú Chí Tôn.

▣ **ĐỌC BÀI KINH NGŨ NGUYỆN:**

*“Nam mô nhứt nguyện Đại Đạo hoàng khai
Nhì nguyện phổ độ chúng sanh
Tam nguyện xá tội đệ tử
Tứ nguyện thiên hạ thái bình
Ngũ nguyện Thánh Thất an ninh”.*

Niệm chú Chí Tôn.

Phần nghi lễ cúng tế xong, tất cả đứng dậy xá 3 xá, quay ra sau lưng (nhớ quay đồng lượt phía bên vai trái), xá bàn Hộ Pháp một xá (Sau Đức Hộ Pháp có chữ Khí) lui về

hai bên đàn nội, nam tả nữ hữu (nhìn từ trong ra ngoài).

- **PHẦN THUYẾT ĐẠO CỦA CHỨC SẮC:** (nếu có).
- **BÃI ĐÀN:**

Lễ Vụ đến dọn chuông bãi đàn và kê các câu chú như sau:

- “*Đàn tràng viên mãn chức sắc quy nguyên vĩnh một từ ân phong điều vô thuận*” (đánh một tiếng đại hồng chung)
- *Thiên phong hải chúng quốc thời dân an, hồi hương đàn đường tận thâu pháp giải.* (đánh một tiếng đại hồng chung)
- *Án dà ra để dạ ta bà ha.* (đánh một tiếng đại hồng chung)”.

Tất cả nghiêm trang xá đàn, đoạn theo thứ tự ra về. (người đứng phía trong ra trước, ngoài ra sau, y như trật tự khi vào Thánh Thất).

II. CÚNG ĐẠI ĐÀN TẠI TÒA THÁNH

Đền Thánh tại Tòa Thánh Tây Ninh là nơi trung ương, nghi tiết cúng đại đàn có phần khác hơn đôi chút ở những điểm sau:

a) **Hoán đàn:** khi vào bên trong Đền Thánh vẫn giữ theo thứ tự nam tả nữ hữu (nhìn từ trong ra ngoài). Cả chức sắc, chức việc và đạo hữu của mỗi phái nam, nữ đều đi thành một vòng tròn ngược chiều nhau, nam theo nam, nữ theo nữ, gọi là đi hoán đàn. Khởi sự từ chỗ bước vào, ngang ngai Hộ Pháp, phía nam đi thẳng lên Bát Quái Đài, đi ngang qua cung Đạo (khoảng trong giữa bàn thờ Đức Chí Tôn và ngai Giáo Tông, vòng qua bên phía nữ, xuống

tận ngại Hộ Pháp, đi ngang qua trước mặt ngài, trở lại vị trí bắt đầu khi nãy tức là giáp được một vòng, rồi mới tiến đến vị trí của mỗi người tùy theo hàng phẩm lớn nhỏ để chờ khởi sự cúng.

Phái nữ cũng đi thành một vòng như vậy nhưng ngược chiều phái nam.

Ý nghĩa của pháp đi hoán đàn được Đức Hộ Pháp giải thích như sau:

“Tại sao phải hoán đàn nam nữ chen nhau? Đó là bùa pháp luân thường chuyển. Tại sao Chí Tôn để bùa pháp luân thường chuyển tại thế này, đặng chi vậy? Hiện đã mãn Hạ ngươn tam chuyển, Thượng ngươn tứ chuyển ta gọi là khai ngươn nên phải để cho pháp luân chuyển.

Ta đã biết thời Tiên Thiên khí và hậu Thiên Khí chuyển làm một mới đạt đạo đặng. Cả thầy đều biết qua Cửu Trùng Đài này là Cửu Thiên Khai Hóa, còn cung trên kia là cung Đạo, từ trước đến nay mỗi người mãi miết tìm Đạo mà Chí Tôn để giữa đó, trước mắt mà không biết. Đi chín tầng trời để cho phần hồn đi cho cùng tột cứu phẩm Thân, Thánh, Tiên, đến Phật tức là Phật xuống phạm, rồi phạm trở lại Phật, chuyển luân như vậy, bí pháp gọi là đạt Đạo”

■ (Lời thuyết Đạo. Quyển nhì, trang 28)

b) Khi cúng tại Đền Thánh, được ngồi xếp bằng thay vì quỳ như ở các Thánh Thất.

c) **Chỉnh sát cúng phẩm:** Trong thời gian nhạc tấu huân thiên, khi Ngọc Đàn xướng “*Chỉnh sát cúng phẩm*”, thì một vị chức sắc Hiệp Thiên Đài rời hàng ngũ lên lầu Hiệp Thiên Đài quan sát các đồ cúng phẩm có đều đủ và tinh khiết rồi hành pháp trấn thần các cúng phẩm, xong

rồi trở lại vị trí cũ và giao cho sáu vị Lễ Sĩ gồm hai mặc áo vàng, hai mặc áo xanh, hai mặc áo đỏ, đi mào lễ, cầm lồng đèn (màu theo sắc áo của mình) đi từ phía trên lầu Hiệp Thiên Đài xuống trước ngai Hộ Pháp rồi đi theo đường nội tâm Chánh Điện lên phía Bát Quái Đài. Theo sau là một Giáo Sư phái Ngọc mang một cái hộp đựng Tam Bửu (hoa, rượu, trà), sáu Lễ Sĩ và một vị Giáo Sư đi tới ngang phẩm Phối Sư thì dừng lại đây, phân ra hai bên cho tới khi dâng tam bửu xong sẽ trở về vị trí cũ.

Khi nhạc tấu huân thiên dứt có một vị chức sắc Hiệp Thiên Đài lên thỉnh hương tại Bát Quái Đài đem xuống ngoại nghi (ngang Phẩm Phối Sư), Lễ Sĩ điện hương.

Khi Lễ Sĩ điện hoa lên nội nghi (tại cung Đạo) thì vị chánh Phối Sư phái Ngọc tiếp lấy bình hoa lên đứng phía sau ngai của Ngọc Chưởng Pháp ngó ra phía Hiệp Thiên Đài đưa cao ngay trán trình cho chức sắc và tín đồ biết để dâng lời cầu nguyện.

Khi dâng rượu thì Chánh Phối Sư phái Thượng tiếp lấy chung rượu lên như Ngọc Chánh Phối Sư, nhưng đứng sau ngai Giáo Tông.

Khi dâng trà thì Chánh Phối Sư phái Thái tiếp lấy chung trà lên trình như Ngọc và Thượng Chánh Phối Sư, nhưng đứng phía sau ngai Thái Chưởng Pháp.

III. SỰ KHÁC BIỆT VỀ NGHI TIẾT CÚNG TIỂU ĐÀN VÀ ĐẠI ĐÀN

a) Tại Tòa Thánh:

Tiểu đàn khác Đại đàn ở những điểm sau:

- Nhạc đờn ba bài (thay vì 7 bài hoặc 5 bài như trong Đại đàn).

III.- TÔN CHỈ MỤC ĐÍCH

- Lễ Sĩ không đăng điện.
- Không lập ngoại nghi.
- Không đi hoán đàn.

b) Tại Thánh Thất:

Tiểu đàn tại Thánh Thất khác Đại đàn ở những điểm sau:

- Nhạc đờn ba bài (thay vì 7 bài hoặc 5 bài như trong Đại đàn).
- Lễ Sĩ không đăng điện.
- Không lập ngoại nghi.

IV. CÚNG ĐÀN TẠI ĐIỆN THỜ PHẬT MẪU

Khi vào châu Lễ Đức Phật Mẫu và các Đấng thiêng liêng tại điện thờ Phật Mẫu tất cả mọi người đều mặc áo dài trắng, khăn đóng đen đối với nam phái, nữ phái mặc áo dài trắng thường, đầu cho chức sắc cũng vậy. Về phương diện hình thức, nơi đây không còn phân biệt phẩm tước, mọi người đều bình đẳng, ai đến trước quỳ trước, đến sau quỳ sau.

a) Cách Nhập Đàn:

Đúng giờ cúng, Lễ Viên đổ ba tiếng đại hồng chung và đọc kệ lần thứ nhất như sau:

- *Văn chung khấu hương huệ trường Càn khôn*” (dọng một tiếng chuông).
 - *Pháp giải chúng sanh đồng đẳng bi nạn*” (dọng một tiếng chuông).
 - *Ấn đà ra để dạ ta bà ha*” (dọng một tiếng chuông).
- Kệ chuông dứt chư thiện nam tín nữ sắp đặt chỉnh

tế, nam thì sắp hàng hai bên bàn thờ chư Chơn linh nam phái, nữ thì sắp hai bên bàn thờ đức Phật Mẫu và chư Chơn linh nữ phái.

Chuông đồ lần thứ hai, cũng ba tiếng với các câu kệ như sau:

- *Nhứt vi vu ám tất giai văn,*
- *Nhứt thiết chúng sanh thành chánh giác,*
- *Án đà ra để dạ ta bà ha.*

Dứt mỗi câu vọng một tiếng đại hồng chung.

Khi tiếng chuông cuối cùng dứt, tất cả xá đàn một xá, bước vào trong sắp thành hàng ngó lên bàn thờ.

b) Nhạc tấu Huân Thiên:

Nhạc đờn năm bài dứt, Lễ Viện khắc chuông mọi người kính ba xá, quỳ xuống.

c) Mật niệm Đức Phật Mẫu và các Đấng thiêng liêng:

(nhớ là không có lấy dấu Phật, Pháp, Tăng).

Niệm như sau:

- *Nam Mô Diêu Trì Kim Mẫu Vô Cực Thiên Tôn*
(xá một xá)
- *Nam mô Cửu Vị Tiên Nương* (xá một xá)
- *Nam mô Bạch Vân Động Chư Thánh* (xá một xá)

d) Đọc các bài kinh sau đây:

- **NIỆM HƯƠNG:** “*Đạo gốc bởi lòng tín hiệp...*”

Khi dứt lạy chín lạy, nghĩa là 3 lần cúi xuống, mỗi lần 3 gập, mỗi lần gập đầu niệm “*Nam mô Diêu Trì Kim Mẫu Vô Cực Thiên Tôn*”.

- **KHAI KINH:** “*Biển trần khổ với trời nước...*”

Khi dứt cúi đầu chớ không có lạy

- **PHẬT MẪU CHƠN KINH:** “*Tạo Hóa Thiên huyền vi Thiên Hậu...*”

Khi dứt Lạy chín lạy nghĩa là 3 lần cúi xuống mỗi lần 3 gập. Niệm chú tại mỗi gập: “*Nam mô Diêu Trì Kim Mẫu Vô Cực Thiên Tôn*”.

- **DÂNG TAM BỬU:** (Hoa, Rượu, Trà)

Chú ý: Bài dâng hoa câu thứ tư phải đọc “*Cúi mong Phật Mẫu rưới ân thiên.*” thay vì đọc: “*Cúi mong Thượng Đế rưới ân thiên.*”.

Dứt mỗi bài thái lạy chín lạy nghĩa là 3 lần cúi xuống mỗi lần 3 gập. Niệm chú tại mỗi gập: “*Nam mô Diêu Trì Kim Mẫu Vô Cực Thiên Tôn*”.

d) Sớ văn Thượng tấu:

Đọc sớ và đốt xong, lạy chín lạy nghĩa là lạy ba lần mỗi lần ba gập, Niệm chú tại mỗi gập: “*Nam mô Diêu Trì Kim Mẫu Vô Cực Thiên Tôn*”.

e) Ngũ Nguyện:

“Nam mô nhứt nguyện Đại Đạo hoàng khai
Nhì nguyện phổ đê chúng sanh
Tam nguyện xá ti đệ tử
Tứ nguyện thiên hạ thái bình
Ngũ nguyện Thánh Thất an ninh”.

Đọc ngũ nguyện xong lạy chín lạy nghĩa là lạy ba lần mỗi lần ba gập, Niệm chú tại mỗi gập: “*Nam mô Diêu Trì Kim Mẫu Vô Cực Thiên Tôn*”.

Đứng lên xá ba xá trở ra sắp hàng thành tam ban, nam theo nam, nữ theo nữ.

f) Kệ chuông Bái Đàn:

(Y như câu kệ tại đền Thánh và Thánh Thất, cách
dụng chuông cũng y như vậy)

Xong mỗi người xá đàn từ từ trở ra.

**V.– NGHI TIẾT CÚNG TỬ THỜI TẠI TÒA THÁNH,
THÁNH THẤT VÀ ĐỀN THỜ PHẬT MẪU.**

a) Tại Tòa Thánh và các Thánh Thất.

Ngoài các buổi cúng đại đàn và tiểu đàn nhằm vào các ngày đại lễ và tiểu lễ (ngày vía, ngày kỷ niệm các chức sắc tiền bối có công lớn với Đạo, ngày mồng một, ngày Rằm tháng tính theo âm lịch), tại Tòa Thánh và các Thánh Thất luôn luôn có các buổi cúng hàng ngày vào các giờ: Tý (0 giờ khuya) – Mão (6 giờ sáng) – Ngọ (12 giờ trưa) – Dậu (18 giờ chiều), gọi là cúng tử thời.

Cúng tử thời giản dị hơn cúng đại đàn và tiểu đàn, nghi tiết được tóm lược như sau:

Đến giờ cúng, lễ vụ kệ ba câu chú đánh ba tiếng đại hồng chung lần thứ nhất^[1], chức sắc, chức việc, đạo hữu tuần tự đi vào chánh điện (nam bên tả, nữ bên hữu, hướng từ trong ra ngoài), cũng đứng hai bên quay mặt vào nhau, sắp theo thứ tự phẩm trật. Xong, lễ vụ tiếp tục

[1] Văn chung khấu hướng huệ trưởng càn khôn: (đánh 1 tiếng chuông)

Pháp giải chúng sanh đồng đẳng bỉ ngạn: (đánh 1 tiếng chuông)

Ấn đà ra để dạ ta bà ha: (đánh 1 tiếng chuông)

kệ ba câu chú đáng ba tiếng đại hồng chung lần thứ hai^[1], mọi người tiếp tục hành lễ.

Với những động tác giống như phần trình bày ở đoạn trước. Tuy nhiên, các phần nghi lễ sau đây không có trong các buổi cúng tứ thời:

- Hoán đàn.
- Nhạc tấu huân thiên.
- Dâng tam bửu (chỉ dâng một trong ba món và đọc một bài thái tùy theo thời cúng: thời Tý, và Ngọ dâng rượu – thời Mão, và Dậu dâng trà).
- Chính sát cúng phẩm.
- Thuyết Đạo.

Trong lúc đồng nhi đọc kinh, có hòa tấu nhạc đệm theo.

Cúng xong, lễ vụ kệ ba câu chú^[2] khắc ba tiếng đại hồng chung và bãi đàn.

b) Tại Đền Thờ Phật Mẫu.

Cũng như tại Tòa Thánh và các Thánh Thất, ngoài các kỳ cúng đàn, thường nhật cũng luôn luôn cúng tứ thời vào các giờ qui định như trên.

Thể thức hành lễ cũng giống như như phần trình

[1] **Nhứt vi u ám tất giai văn:** (đánh 1 tiếng chuông)
Nhứt thiết chúng sanh thành chánh giác: (đánh 1 tiếng chuông)

Ấn đà ra để dạ ta bà ha: (đánh 1 tiếng chuông)

[2] **Đàn tràng viên mãn chúc sắc quy nguyên:** (đánh 1 tiếng chuông)

Vĩnh mộc từ ân phong điều vô thuận: (đánh 1 tiếng chuông)
Thiên phong hải chúng quốc thối dân an hồi hướng đàn đường tận châu pháp giới: (đánh 1 tiếng chuông)

bày ở mục IV, tuy nhiên các phần sau đây được giảm chế:

- Nhạc tấu huân thiên.
- Dâng tam bửu (chỉ dâng một trong ba món giống như ở Tòa Thánh).
- Sớ văn thượng tấu.

Trong khi đồng nhi đọc kinh có nhạc đệm theo.

VI.- THỜ CÚNG TẠI TƯ GIA

Đọc giả nên xem những quyển sách sau đây:

1. **Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo** (Hội Thánh xuất bản)
2. **Thiên bản thờ tại tư gia** (Giáo Hữu Thượng Lý Thanh)
3. **Ý nghĩa thờ Thiên Nhân** (H. T. Nguyễn Kim Anh).

VII.- TẠI SAO PHẢI THỜ CÚNG

Điểm khó khăn hơn hết trong vấn đề thờ cúng; không phải là những nghi lễ tế tự phức tạp; hay các lời kinh bằng chữ Hán khó hiểu, khó nhớ... Thoạt nhìn người ta có thể cảm nghĩ như vậy, nhưng nghi lễ dù phức tạp đến đâu vẫn có thể quen được như một tập tục, lời kinh dù có khó đến đâu; đọc mãi cũng thuộc. Đó là hình tượng bên ngoài; ai ai cũng làm được. Chính nội dung, tác dụng của lời kinh tiếng kệ, những giây phút trầm tư mặc tưởng ấy, có ích gì cho bản thân ta; khiến người tín đồ phải thực hành những nghi lễ ấy, đó mới là trọng hệ. Đây là điểm đẽ nhưt khó khăn; trong đời sống của người tín đồ; vì nó thuộc về mặt tâm pháp bí truyền. Trong một

đàn cúng có đông người tham dự, thường chỉ có một số rất ít người; có thể cảm nghiệm được một nguồn năng lượng sinh động, một cái gì lung linh huyền diệu trong “*cõi sống thật*” đang phủ trùm lấy họ từ bên ngoài cả đến bên trong thân xác. Một khi cả xác thân lẫn tâm hồn; đã đắm mình trong dòng sinh lực ấy, người tín đồ đã thực sự đứng trước ngưỡng cửa của một thế giới không còn thuộc về “*cõi người ta*” nữa. Nguồn năng lực vô biên ấy, không thể tả được, nhưng chỉ cần một chút xíu thôi, cũng đủ làm cho những kẻ bướng bỉnh nhất trên thế gian này thay đổi cuộc sống của họ một cách trọn vẹn – Nhưng không phải ai ai cũng dễ dàng khám phá được.

Một khi đã thực sự sống trong thế giới Thần Tiên, ngay bên cạnh “*cõi người ta*” này, thì người tín đồ không còn tâm trạng sợ hãi nữa, trái hẳn với sự tưởng tượng của những kẻ mà đời sống đắm chìm trong tục lụy, ngồi ở đây tưởng tượng vẽ vời ra “*thế giới bên kia*”, mà thực sự họ chưa từng sống ở đó, một phút giây nào cả.

Chúng tôi xin nhắc lại lời nói của Thánh Giảng cách đây gần hai ngàn năm:

“Người nào đã cảm giác được cái tinh thần thiêng liêng của Đức Chí Tôn không thể lâm lãn, nghi ngờ, hay phủ nhận nó. Ôi! Thế gian, vì như các người có đồng thanh phủ nhận Ngài, ta thà từ bỏ thế gian và giữ vững đức tin của ta”.

■ (Chơn sư và Thánh Đạo. Leadbeater. Nguyễn Hữu Kiệt dịch)

Các bậc chơn tu xưa nay đã nói rất nhiều về đời sống Thần Thánh này, nhưng khốn nỗi chính các Ngài cũng không có quyền muốn đem cho ai thì cho “*nguồn sống vạn năng*” ấy dù chỉ một chút xíu thôi.

Đó là một định luật tất yếu, trong Càn khôn vũ trụ. Các ngài sẵn sàng cho khối gia tài thiêng liêng ấy, đến tất cả mọi người, nhưng mà nắm lấy được hay không là do tự ở chính mình. Thành thử kết quả sau cùng là các Ngài không trọn quyền ban cho ai tùy thích được. Đó là một định luật công bình, của báu không bán nài và cũng chẳng riêng ai được quyền nắm giữ dù họ là giáo chủ đi nữa.

Thờ cúng là một trong những cách làm cho thần trí của người tín đồ quen chủ định để dắt thần xác đến gần thế giới của thần linh. Rồi đến một lúc nào đó cả hành vi, tư tưởng, lời nói của người tín đồ đã hiển hiện là những “*người Thần*”, “*người Thánh*” trước mắt mọi người thì tự nhiên cánh cửa “*thế giới vô hình*” sẽ mở hoát ra như một định luật của hữu vô đồng nhất, mà người đạo giáo thường gọi là thế pháp và bí pháp tương liên mật thiết với nhau.

Thần, Thánh, Tiên, Phật không phải là những vị mà con người có thể cầu khẩn, van xin hay dứt lốt của hối lộ theo kiểu thường làm ở thế gian.

Nghi lễ thờ cúng chỉ là những hình tượng biểu lộ bên ngoài của một nội tâm kính trọng, và ý muốn cầu thân cùng các Đấng thiêng liêng. Dấu hiệu tỏ lộ bên ngoài có thể bắt chước được.

Hình tượng bên ngoài ấy dùng để dắt dẫn tâm linh, nên nó phải thay đổi cho phù hợp với phong tục tập quán, và trình độ tấn hóa của con người. Nghi lễ các đạo giáo, vì vậy phải khác nhau, mới thích ứng được với mọi người, chớ còn bên trong, cái khổ, cái sướng, hay niềm an lạc trong tâm hồn của con người, thì từ cổ chí kim ai cũng như ai. Thực hành những nghi lễ thờ cúng là để tìm về chỗ thuần nhất ấy, và khi đạt đến rồi, thì người không

còn phân cách với người nữa, người cũng không còn phân cách với Trời, Phật hay Thần, Thánh nữa. Đó là lý do sâu cùng, khiến người tín đồ phải để tâm đến việc thờ cúng. Đức Quan Thế Âm Bồ Tát có giảng cơ chỉ dạy như sau:

“Các em phải lo cúng kiến thường,

– Một là tập cho Chơn thân gần gũi Đấng thiên liêng đặng sáng lạn.

– Hai là cầu khẩn với Đức Đại Từ Bi tha thứ tội tình cho các em và cả chúng sanh.

– Ba là có tế lễ thì tâm phải có cảm, cảm rồi mới có ứng, ứng là lẽ tự nhiên.

– Bốn là tâm có cảm thì lòng bác ái mới mở rộng, mà nhứt là khiếu lương tri, lương năng của các em, cũng nhờ đó mà lần hồi thành ra mãn huệ.”

■ *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển Quyển II, 1969 – trang 87*

Sự ngộ nhận của chữ nghĩa trong kinh điển, và lời cầu khẩn, vái van, xin tha thứ tội tình, đã làm cho người ta, tưởng chừng như các Đấng thiêng liêng cũng có nhân cách, biết thương yêu, ghét, giận như phàm nhân vậy. Sự thật không phải thế. Chẳng phải vì lời cầu khẩn, những tiếng nói xin xỏ ấy mà các Đấng thương tình tha thứ, nhưng chính vì tâm hồn của con người trong giây phút ấy, đã mở rộng cửa đón nhận các Đấng thiêng liêng, mà các Đấng thì hằng có mặt khắp nơi, nên khi mở cửa tâm hồn thì đương nhiên gặp, tức là cảm ứng được. Cũng ví như bầu sương lam, đang phủ trùm cả núi rừng, bác tiểu phu mở cửa lều thì tự nhiên sương tràn vào. Tại hành động mở cánh cửa ra, chớ không phải tại lời nói của bác tiểu rằng “*tôi mở cửa*”, tại cái khoảng trống không còn ngăn

cách phần trong nhà và bên ngoài mà sương tràn vào và cái nhà đầy sương. Sương và nhà lúc bấy giờ là một. Sương ở trong nhà và nhà ở trong sương.

Ấy vậy thờ cúng không phải là việc mê tín hay dấu hiệu của những tâm hồn yếu hèn mà mê tín, yếu hèn là tại mình hiểu sai và làm sai vậy. Cho nên sự thành tâm và đúng cách, nghĩa là đúng pháp, rất cần thiết, trong việc thờ cúng, bằng chẳng vậy thì dầu có cúng lạy suốt đời cũng chỉ làm mọi cho khói nhang, cũng hoài công vô ích.

LÀM CÔNG QUẢ

I.- ĐỊNH NGHĨA

Thế thường người ta vẫn quen gọi đi làm công quả là đi làm công việc cho nhà Chùa, Thánh Thất hay một cơ quan từ thiện và không nhận lương bổng hay thù lao gì sau khi làm công việc đó.

Phân tách hiện tượng này chúng ta thấy hai tiếng công quả bao hàm những tính chất sau đây:

– Công việc làm có tính cách tự nguyện:

Đi làm việc cho nhà Chùa hay cơ quan từ thiện, hành động đó hoàn toàn do ý muốn của mình, khác hẳn với công tác đi làm xâu mà nhà nước cai trị trước đây thời Pháp thuộc thường hay bắt dân làng đi công tác đắp đôn lũy, đốn cây phá rừng, mở đường... cũng không nhận thù lao, nhưng do sự cưỡng bách của quyền lực nghĩa là không làm sẽ bị một hình phạt nào đó.

– Không vì tư lợi cá nhân:

Ý nghĩa rõ rệt nhất tiêu biểu trong hành động người

III.- TÔN CHỈ MỤC ĐÍCH

làm công việc không hưởng một khoản lương bổng hay thù lao nào sau khi hoàn tất công việc. Chẳng những người làm công quả không nhằm đến mục đích thu lợi cho cá nhân mình mà họ còn muốn công việc làm của họ không bị kẻ khác lợi dụng. Họ muốn rằng hành động của họ phải là sự hy sinh đúng nghĩa, đúng chỗ, nghĩa là nhơn sanh phải hưởng nhờ tiện ích do công việc làm của họ tạo nên.

So sánh hành động làm công quả cho nhà Chùa với công việc làm của một người lao công cho một ông chủ hãng buôn không nhận thù lao, chúng ta thấy có sự khác biệt rõ rệt, một đằng nhắm tới lợi tức của một người là ông chủ hãng, một đằng nhắm tới lợi ích của nhiều người tức là nhơn sanh nói chung.

Nhà Chùa, Thánh Thất, Đình, Miếu, Nhà Thờ hay các cơ quan từ thiện xã hội là những tổ chức mà mục đích là phụng sự cho nhơn sanh chứ không phụng sự cho quyền lợi tư riêng của người đang cầm quyền làm chủ. Dù cho trên thực tế, những tổ chức này có bị lợi dụng vào mục đích tư lợi cho cá nhân đi nữa, việc ấy xảy ra trong bóng tối chứ ý nghĩa của những tổ chức này vẫn là không vì tư lợi cho cá nhân.

Do đó người ta mới tìm đến các tổ chức tôn giáo, từ thiện để làm công quả, ý nghĩa của sự tìm tới này là muốn rằng hành động của họ không bị lợi dụng.

- Ý hướng tu hành:

Người làm công quả mang ý hướng tu hành trong tâm tư của họ, đôi khi chính họ không nhận thức được rõ rệt ý hướng này, nhưng bao giờ cũng cảm thấy tính chất thiêng liêng cao thượng trong hành động đó. Họ làm việc với tất

cả tâm thành, ý vẹn trong niềm tin rằng hành động của họ sẽ được thần linh chứng giám hoặc nếu không rõ rệt như vậy cũng tin tưởng rằng sẽ được đền bù tương xứng theo đúng định luật công bình, khách quan, vô tư và tự nhiên. Lễ dĩ nhiên luật công bình thiêng liêng ấy phải khác hơn luật công bình của tòa án và cảnh sát do các nhà cai trị tạo nên. Do đó tâm trạng của người làm công quả tìm đến nhà Chùa thường ở trong những trường hợp sau đây:

- Hoặc để sám hối ăn năn về một việc lỗi lầm nào đó và họ muốn lập công chuộc tội.
- Hoặc để tìm sự yên ổn trong tâm hồn, tránh sự buồn chán tuyệt vọng vì một sự thất bại nào đó.
- Hoặc để tạo những nguyên nhân tốt hầu ngày sau được đền bù bằng những phần thưởng xứng đáng mà họ may mắn gặp trong cuộc sống, tức là có ý hướng cầu phước.
- Hoặc hơn cả các trường hợp trên đây, họ làm việc vì đã ý thức được thiên chức của mình, vì sự thức tỉnh hay giác ngộ thì chung quy cũng do niềm tin vào định luật tấn hóa tự nhiên của trời đất. Ý hướng tu hành trong trường hợp này mới là siêu đẳng.

II.- TẠI SAO PHẢI LÀM CÔNG QUẢ.

Ngay từ buổi khai Đạo có nhiều người khi vừa thức tỉnh giấc mộng trần ai, tâm hồn liền hóa ra chán ngán cảnh thế tình, muốn bỏ hết chuyện nhơn sự tìm chỗ yên thân tu luyện những mong thành Tiên, hóa Phật cho cá nhân mình. Đức Chí Tôn liền ngăn cản và dạy phải làm công quả trước tiên:

“Trong các con có nhiều đứa lầm tưởng hễ vào Đạo thì

phải phứt hết nhơn sự, nên chúng nó ngày đêm mơ tưởng có một điều rất thấp thỏi là vào một chỗ u nhàn mà ẩn thân luyện Đạo.

Thầy nói cho các con biết nếu công quả chưa đủ, nhơn sự chưa xong thì không thể nào các con luyện thành đặng đầu mà mong. **Vậy muốn đắc quả thì chỉ có một điều phổ độ chúng sanh mà thôi.** Như không làm đặng thế nầy thì tìm cách khác mà làm âm chất, thì cái công tu luyện chẳng bao nhiêu cũng có thể đạt địa vị tối cao. Các con phải hiểu Thánh ý Thầy mà trao giới chí lớn. Dầu đi lối nào cũng phải cần cái đèn thiêng liêng chiếu rõ mới đặng vững bước.

Làm Vua, làm thầy, làm công nghệ, làm đạo sĩ cũng cần phải có cái chí lớn mới mong thành tựu đặng. Các nghề dưới thế không có nghề nào là vô dụng, mà vô dụng là tại người không chuyên vậy.”

■ (TNHT Q_I, 1969 trg. 101 – 102)

Đức Chí Tôn lại còn xác nhận rằng lập Tam Kỳ Phổ Độ nầy, Ngài đã mở một trường thi công quả cho nhơn sanh đến mà tranh thủ địa vị, Ngài dạy:

“Thầy hằng nói cùng các con rằng một trường thi công quả các con muốn đến đặng nơi Cực Lạc thì phải đi tại cửa nầy mà thôi”

■ (TNHT Q_I, 1969 trg. 34)

Rồi Ngài lại chỉ cho cách làm công quả là phải độ rỗi chúng sanh:

“Thầy đã đến chung cùng với các con, các con duy có tu mà đắc Đạo, phải đoái lại bá thiên vạn ức nhơn sanh còn phải trầm luân nơi khổ hải chưa thoát khỏi luân hồi, để

lòng từ bi mà độ rỗi”.

■ (TNHT QI., 1969 trg. 34).

Ngài lại dạy rõ: Ít nữa mỗi tín đồ phải độ đặng 12 người:

“Hễ bao nhiêu môn đệ độ rỗi của mỗi đứa thì là họ hàng của mỗi đứa. Hiếu à! Chừng ấy về đến Bạch Ngọc Kinh thì gia tộc mỗi đứa đều phân biệt, nếu chẳng độ rỗi thì về với hai tay không. Còn chư môn đệ đã lập Minh thế rồi ngày sau tùy âm chất mỗi đứa mà thăng hay là tội lỗi mà giáng, song buộc mỗi đứa phải độ cho đặng ít nữa là 12 người”.

■ (TNHT QI., 1969 trg. 42).

Tuy vậy nhiều tín đồ vẫn sứt sè chưa dám dẫn thân tích cực. Đức Chí Tôn lại dạy về sự công bình của Tạo Hóa buộc rằng nếu không lập được công quả tại thế gian nầy thì địa vị Thần, Thánh, Tiên, Phật đâu có thương cũng không ban cho được.

“Thầy đã nói cho các con hay trước rằng: nếu các con không tự lập ở cõi thế nầy là cái đời tạm của các con thì Thầy cũng không bông ẵm các con mà đỡ lên cho đặng. Ấy vậy cái vấn đề tự lập là vấn đề các con phải lo đó”

■ (TNHT. QI, 1969 trg. 105)

Về sau Đức Phạm Hộ Pháp có giảng rõ về vấn đề tự lập nầy là phải lập công, lập ngôn, lập đức và coi đó như là ý nghĩa của đời sống con người. Mỗi người đều phải có đủ tam lập ấy mới tròn thiên chức làm người, khi chết linh hồn sẽ trở về cảnh Thiêng liêng hằng sống. Ấy là gia tài, là sự nghiệp thiêng liêng của mỗi người phải biết tạo ra mới có được. Bởi vì:

“Người ở thế nầy muốn giàu có phải kiếm phương thế

mà làm ra của. Ấy là về phần xác thịt. Còn Thần, Thánh, Tiên, Phật muốn cho đấng Đạo phải có công quả”.

■ (TNHT. Q1, 1969 trg. 27).

KINH THẾ ĐẠO

I.- GIỚI THIỆU CÁC BÀI KINH

Ngoài các bài kinh Thiên Đạo đọc trong các thời cúng tại Thánh Thất hay tư gia mà nội dung ca ngợi công đức của các Đấng Trọn Lành hay kêu gọi đến năng lực thần bí của thế giới Thần linh, để hỗ trợ cho các pháp bửu bí truyền được ứng hiện linh diệu, người ta nhận thấy còn có rất nhiều bài kinh gọi là Kinh Thế Đạo, dùng để đọc trong những dịp sau đây:

– **Tang tế:** thí dụ bài kinh dùng để tỏ cái tình, cái nghĩa của người còn sống với kẻ quá cố. Thuộc loại này, nghi lễ Cao Đài đã có những bài kinh sau đây:

- Kinh tụng khi Vua thăng hà,
- Kinh tụng khi Thầy qui vị,
- Kinh cầu Tổ Phụ qui liểu,
- Kinh tụng Cha Mẹ qui liểu,
- Kinh cầu Bà Con cố hữu qui liểu,
- Kinh tụng Huynh Đệ mãn phần,
- Kinh tụng khi Chồng qui vị,
- Kinh tụng khi Vợ qui liểu.

Lời lẽ trong bài kinh khác nhau tùy theo mối liên hệ giữa người quá cố và kẻ sanh tiền, nhưng nội dung có điểm tương đồng là ca ngợi công ơn của người đã chết, nhắc nhớ vong linh luôn luôn nhớ đến Đức Chí Tôn, và

sau cùng là lời cầu khẩn cùng Đức Ngài từ bi cứu độ.

– **Hôn phối:** Chỉ có một bài kinh duy nhất gọi là kinh Hôn Phối đọc tại Thánh Thất khi đám cưới được Hội Thánh nhìn nhận hợp pháp và có Chức Sắc làm phép Hôn Phối.

– **Nhóm họp:** trong các buổi hi họp đồng người, hoặc để thuyết pháp cũng có bài kinh như:

- Kinh nhập hội đọc lúc khai mạc buổi họp.
- Kinh xuất hội đọc vào lúc bế mạc buổi họp.
- Kinh thuyết pháp đọc trước khi giảng Đạo, thuyết pháp.

– **Các hoạt động thường ngày:** xen vào các hoạt động thường ngày như ăn ngủ, đi đứng có bài kinh sau đây:

- Kinh khi thức dậy,
- Kinh đi ra đường,
- Kinh khi về,
- Kinh vào ăn cơm,
- Kinh khi ăn cơm rồi,
- Kinh khi đi ngủ.

– Và sau cùng là **bài kinh cứu khổ** dùng để đọc trong những dịp bất thường, khi người tín đồ cần kêu gọi đến năng lực của Thần linh giúp họ vượt qua vài trở ngại nào đó trong cuộc sống, mà xét ra lời yêu cầu rất nên chánh đáng.

Tất cả các bài kinh này đều có trong quyển “*Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo*” do Hội Thánh ĐĐTKPĐ Tòa Thánh Tây Ninh xuất bản.

II.- CÁCH ÁP DỤNG

Có một điều lầm lẫn rất tai hại là người ta vẫn thường cho rằng các bài kinh Thế Đạo liên quan đến các hoạt động thường ngày như ăn ngủ, đi đứng... chỉ áp dụng cho trẻ con mà thôi, còn người lớn thì đã “*hiểu đạo*” rồi. Đành rằng khi người ta đã thấm nhuần tư tưởng cao siêu trong các bài kinh ấy, và đã thật sự sống với những điều mà tư tưởng ấy muốn diễn tả, thì hình thức đọc kinh có lẽ cũng không còn cần thiết nữa. Kể đã qua sông thì cần gì phải mang theo chiếc bè trên lưng, thế nhưng nhìn kỹ lại, trong hạng tín đồ có bao nhiêu người có được trình độ tâm linh như vậy? Phải thành thật thú nhận rằng có rất ít người đạt đến mức độ ấy sau nửa thế kỷ truyền giáo.

Cho nên sự áp dụng một cách nghiêm chỉnh những bài kinh thế đạo vẫn cần thiết, và rất cần thiết như cơm ăn, áo mặc hằng ngày vậy. Đọc kinh chỉ là làm thể pháp mà thôi, cần đạt đến nội dung là cái tác dụng của lời kinh ấy giúp ích được gì cho tâm hồn của chúng ta lắng đọng những tư tưởng trần tục và khơi dậy những tư tưởng thanh cao thánh triết. Cho nên nếu người tín đồ chịu khó suy nghiệm sẽ thấy cách áp dụng như sau:

– Đối với trẻ con cần có sắc tướng âm thanh rõ rệt chúng mới hiểu được nên cần phải đọc ra lời, lại nữa cũng là phương bắt chúng học thuộc lòng.

– Còn đối với người lớn thì chỉ đọc trong trí mà thôi, nghĩa là tâm mình tưởng đến những lời kinh trước khi ăn cơm, sau khi ăn xong, trước khi nhắm mắt ngủ, khi vừa tỉnh giấc, khi đi ra đường, khi trở về nhà. Phương thức này áp dụng cho tất cả mọi người, mọi nơi, mọi lúc...

bên ngoài dường như không ai hay biết gì cả về thế giới nội tâm sinh động của mình. Chỉ thoáng mấy giây đồng hồ chúng ta có thể tưởng xong một bài kinh, nghĩ cũng chẳng khó gì, mà ít người làm được!

III.- TÁC DỤNG TÂM LÝ VÀ THẦN QUYỂN

Có lẽ nguyên nhân chính của sự lười biếng này là người tín đồ không hiểu rõ, và cũng không được chứng nghiệm về tác dụng hữu ích của lời kinh tiếng kệ, do đó không có đức tin vững mạnh đối với Thần linh, những bậc chơn tu đều có một niềm thương xót vô biên đối với chúng sanh, khi thấy họ không hiểu gì về thế giới Thần linh cả. Muốn nắm tay dẫn đến tận nơi, vén bức màn Thiêng liêng chỉ cho họ thấy tận mắt, sợ e vì kinh hãi mà loạn thần hóa ra ngây dại, còn dùng lý lẽ mà nhủ khuyên thì lý cãi lý già đời không hết.

Nếu biết rằng người có xác và hồn, xác biết ăn còn hồn chẳng biết ăn sao? Xác biết lựa món ăn ngon còn hồn chẳng biết món ăn sao? Chẳng lẽ xác biết lựa cao lương mỹ vị cho béo bổ khỏe mạnh còn hồn thì cho nó ăn những tư tưởng, thấp hèn, oán ghét, thù hận, đố kỵ, tham lam, ích kỷ hay sao? Vậy mà con người vẫn thường hay đắm mình trong những tư tưởng hắc ám ấy.

Muốn xua đuổi những tư tưởng oán thù, tham lam, ích kỷ... ra khỏi tâm thần người tín đồ, các bậc Thánh hiền đã đặt ra các bài kinh thế đạo để ngày ngày áp dụng dường như có một người nhắc nhở bên tai mình vậy. Không chịu áp dụng thì kể như không còn ai nhắc hết. Nghĩ về điều tốt tức là không nghĩ về điều xấu, ít ra cũng trong khoảnh khắc nào đó, rồi những tư tưởng thiện ấy

sẽ từ từ hướng dẫn thể xác có những hành động lành. Ấy là một cái phép của trời đất, phải tập cho con người có suy nghĩ tốt trước đã, rồi ý nghĩ ấy sẽ dẫn dắt hành động trở nên tốt. Tác dụng tâm lý rõ ràng như vậy, muốn cùng chẳng muốn là tại mình làm mà thôi.

Về phương diện thần quyền chúng ta há chẳng thường thấy có những người mà tinh thần bạc nhược, lơ đãng, uể oải, hiện rõ trên nét mặt... người đời há chẳng từng gọi họ là những kẻ “*không hồn*” hay sao? Chẳng cần phải luận giải chi dài dòng về việc linh hồn có hay không, vậy chớ thực thể sinh động nào làm cho cái xác của con người biết cửa quây và khôn ngoan, làm cho chúng ta phân biệt được giữa một tử thi và một con người sống? Chúng ta coi đó là dấu hiệu, là chứng tích của một Chơn thần đang ngự trị trong xác thân. Người đời vẫn thường gọi linh hồn là tất cả những gì của con người khác hơn phần xác chết của họ. Phần linh hồn ấy sẽ rời khỏi xác thân vào lúc mà người ta gọi là chết, và người sống có giao tiếp với nó được. Thuật cầu cơ chấp bút trong Cao Đài được xây dựng trên nền tảng này, người sống có thể thông công với vong linh người chết (dĩ nhiên với một số điều kiện nào đó không mấy dễ dàng). Kết quả của sự thông công này là Đạo Cao Đài được thành hình. Linh hồn của thi hào Lý Bạch, của Thái Tử Sĩ Đạt Ta, của Khổng Tử, Lão Tử, của Jesus Christ, của Victor Hugo, của Tôn Dật Tiên, Trạng Trình, và biết bao nhiêu người khác nữa mà danh tánh dương như xa lạ, đã đến để nói chuyện với người tín đồ Cao Đài, làm chứng rằng thế giới vô hình có thật và linh hồn bất tử. Tất cả những vị này đều kính nhường một Đấng mà người ta gọi là Ông Trời, là Thượng Đế, là

Đức Chí Tôn. Rồi chính mình Đức Chí Tôn cùng đến nói chuyện với loài người nữa.

Bây giờ chỉ còn vấn đề là con người có chịu đặt mình trong mối tương giao mật thiết với Thượng Đế và Thần linh hay không. Tôi sẽ không bao giờ nói chuyện với bạn nếu tôi nghĩ rằng bạn không có mặt ở trước tôi, hay ít ra sự hiện hữu của bạn không có trong tâm giao tiếp của tôi. Đối với Thượng Đế và Thần linh cũng vậy, người tín đồ sẽ không thể nào cảm ứng được nếu họ không tin rằng có các Đấng ấy trong thế giới vô hình. Đức tin là đầu mối, là điều kiện tối quan hệ để thiết lập tương giao giữa người và thần linh, ý nghĩa sau cùng của đạo giáo là đặt đời sống con người trong sự hòa hợp với siêu nhiên, và quyền lực tối trọng kia được mô tả bằng hai tiếng “*Thượng Đế*”. Thượng Đế và Thần linh sống động, luôn luôn ảnh hưởng trên đời sống trần tục của con người, và nếu con người thiết lập được tương giao với các Đấng ấy, đời sống của họ sẽ đi đúng trong Thiên cơ và sẽ bảo đảm cho họ chân hạnh phúc. Vì vậy đức tin là điều cần phải củng cố trước tiên, vì người ta không thể tin mà không có chứng nghiệm. Sự cầu nguyện và đức tin sẽ giúp người ta có được những chứng nghiệm, một vài lần trong cả tháng hay đôi khi cả năm, còn quá ít nếu không nói là không đủ để bắt gặp đời sống của các Đấng Thiêng Liêng. Tỉ như chiếc radio bỏ túi với vài cục pin bé nhỏ làm sao có thể bắt được những làn sóng điện của anh phi hành gia từ cung Trăng gửi về.

Phải có một đức tin rất mạnh mới chứng nghiệm được thế giới vô hình, và một khi đặt mình trong mối tương giao ấy, đời sống của người tín đồ trở nên phi phạm. Tác dụng Thần quyền của những bài Kinh Thế Đạo là để

buộc tâm thần người tín đồ luôn luôn hướng về Đức Chí Tôn cao cả, lòng chân thành và tư tưởng của họ là những tín hiệu gửi đến Thần linh lời cầu xin giúp đỡ. Mỗi tương giao thiết lập được thì hai thực thể hữu vô sẽ là một. Người tín đồ sẽ trở thành người Thần, người Thánh, người Tiên, người Phật trong tất cả mọi hành động của họ, lúc ăn, lúc ngủ, lúc thức, lúc đi ra đường, lúc trở về... họ luôn luôn phối hợp với Thần linh trong mọi hoạt động và những tín hiệu ấy phải được đánh đi đều đều thì hai thực thể mới không tách rời nhau. Đó cũng là ý nghĩa của tiếng Phật Trời phò hộ, hay ban ơn vậy.

ĐỜI SỐNG HÔN NHÂN

I.- LUẬT VỀ HÔN PHỐI

Hôn Phối là việc rất hệ trọng trong đời người, thiết nghĩ ai cũng biết điều đó, nhưng không phải ai cũng có đủ khôn ngoan, sáng suốt khi quyết định về hôn nhân. Bởi vậy, ngoài yếu tố tình yêu, tâm lý của gia đình, rất nhiều người còn tìm đến những nhà bói toán để xem tuổi với hy vọng sẽ gặp được người phối ngẫu thích hợp với mình. Sự việc bói toán đúng hay sai không bàn nơi đây, nhưng ghi nhận những ý nghĩa trong hành động tìm đến bói toán như là một sự dẫn đo trước khi quyết định vì đã ý thức được sự quan trọng của hôn nhân.

Luật Cao Đài buộc phải chọn người phối ngẫu cùng trong tôn giáo.

“Việc hôn là việc rất quan trọng trong đời người. Phải chọn hôn trong người đồng đạo, trừ ra khi nào người ngoài

ưng thuận nhập môn thì mới kết làm giai ngẫu”

■ *(Điều 6, chương Thế Luật, Bộ Tân Luật).*

Vấn đề này vẫn gây nhiều thắc mắc cho các thanh niên nam nữ. Tình yêu đâu phải như bài toán có đáp số dễ dàng sau khi đã cộng, trừ, nhân, chia thì phải ra như vậy. Có biết bao trường hợp cô hay cậu yêu người không phải đồng đạo mới tính sao đây?

Sự ràng buộc của luật pháp có vẻ nghiêm khắc đã được nghiên cứu kỹ lưỡng về mặt tâm lý từ nửa thế kỷ trước và tới nay vẫn còn hiệu dụng. Ý nghĩa của hôn nhân là sự hòa hợp giữa người với người. Sự hòa hợp ấy đến tuyệt đỉnh khi hai thân xác hiệp làm một, tình cảm cũng một, mà tinh thần cũng một. Còn có tai hại nào hơn khi hai người phải sống chung với nhau suốt đời mà từng giây từng phút mỗi người là một thế giới riêng? Ấy là một kiếp sống cô đơn, quạnh quẽ trong khi thân xác vẫn bị buộc ràng. Xác thân có thể vì những định luật vật chất buộc nó phải phối hợp với nhau, tình cảm cũng có thể vì những khêu gợi chung quanh nhất thời chia sẻ cùng nhau được, nhưng niềm tin sâu thẳm trong tâm hồn con người thì không dễ gì lay chuyển. Niềm tin về đạo giáo thuộc về loại này. Bởi vậy thái độ khôn ngoan là thái độ của người thấy trước được điểm tâm lý khó khăn này. Đành rằng triết lý Tam Kỳ Phổ Đ vẫn dạy rằng các đạo giáo vốn từ một gốc sinh ra, nhưng sự hiểu biết lý lẽ thật của người tín đồ đâu phải ai cũng có trình độ như các hiền triết cả để có thể thông cảm cùng nhau dễ dàng. Thế nên tốt hơn nên chọn người đồng đạo với mình, hy vọng sẽ tránh được nhiều phiền toái hơn. Bậc chơn tu khi đặt ra một điều luật cho tín đồ, hẳn đã nghiên cứu kỹ lưỡng rồi.

Còn việc chọn người phối ngẫu với điều kiện ưng thuận nhập môn, xét về mặt chánh trị đạo, là một phương thức dụng tình yêu đưa người vào cửa Đạo. Ý hướng dụ dỗ tín đồ ở các đạo khác theo đạo Cao Đài bằng hôn nhân không cần thiết nơi đây. Điều kiện “*ưng thuận nhập môn*” này không nhằm mục đích làm gia tăng số tín đồ, mà chính vì muốn bảo đảm hạnh phúc cho hai người. Trong Cao Đài giáo, qua hôn nhân, con người không phải là công cụ để củng cố chế độ chính trị đạo, cũng không phải là phương tiện tranh đấu để bành trướng số tín đồ, hôn nhân có ý nghĩa thiêng liêng của nó, biểu lộ thân phận làm người của người tín đồ

*“Cơ sanh hóa Càn khôn đào tạo,
Do âm dương hiệp Đạo biến thiên.
Con người nắm vững chủ quyền.
Thay Trời tạo thế giữ giềng nhưn luân”.*

(KINH HÔN PHỐI)

Chính con người, hạnh phúc trong hôn nhân, mới có ý nghĩa nơi đây chứ không phải chính trị hay chế độ. Sự ràng buộc của luật đạo tuy có nghiêm khắc thật nhưng là phương thức hữu hiệu, là chỉ dẫn cần thiết cho thanh niên nam nữ. Ngoài điều luật về sự lựa chọn người phối ngẫu trên đây còn có các điều luật khác liên quan đến sự đề phòng gian dối, nghi lễ hôn phối, cưới hỏi thiệp, ly dị.

“Tám ngày trước lễ sính, chủ hôn trai phải dán bố cáo nơi Thánh Thất sở tại cho trong bốn đạo hay sau khỏi điều rắc rối.”

■ (Điều 7. Thế Luật).

“Làm lễ sính rồi hai đảng trai và gái phải đến Thánh

Thất mà cầu lễ chứng hôn.”

■ (Điều 8. Thế Luật)

“Cấm người trong Đạo kể từ ngày ban hành (1927) luật này về sau không được cưới hầu thiếp. Rủi có chích lễ giữa đường thì được chấp nối.

Thoảng như phụ nữ kia không con nối hậu thì Thầy cũng rộng cho đăng phép cưới thiếp, song chính mình chánh thể đứng cưới mới đăng.”

■ (Điều 9. Thế Luật)

“Trừ ra có ngoại tình hay là thất hiếu với công cô, vợ chồng người đạo không được để bỏ nhau.”

■ (Điều 10. Thế Luật)

II.- PHÉP HÔN PHỐI

Sau khi làm lễ sính hôn rồi, luật lệ buộc hai đảng trai và gái phải đến Thánh Thất cầu lễ “*chứng hôn*”. Cô dâu và chú rể sẽ quỳ trước Thiên Bàn, bốn tay nắm chéo lẫn nhau, vai kề vai, đầu chạm đầu trước sự chứng kiến của họ hàng đôi bên. Cử chỉ này biểu lộ ý nghĩa tâm đồng ý hiệp và sự phối hợp hoạt động chặt chẽ giữa hai người như một.

Một vị chức sắc chứng lễ đứng trước mặt cặp vợ chồng hành pháp hôn phối trong khi đồng nhi đọc kinh. Bí pháp này có tác dụng giải trừ bớt những mầm xung khắc đã có sẵn trong tâm hồn của hai người do tiền khiên nghiệp chướng của họ gây ra, giờ đây sẽ có cơ hội vay trả lẫn nhau trong đời sống vợ chồng. Những mầm mống xung khắc này có thể khó nhận thấy vì trong buổi đầu của cuộc yêu đương sự bùng nổ của tình yêu có thể lấn lướt và làm lu mờ tất cả các yếu tố khác. Khi yêu nhau thắm thiết người

ta tha thứ cho nhau và chiều ý nhau một cách dễ dàng, sẵn sàng kềm chế những thói hư tật xấu của chính mình để làm vừa lòng người yêu. Thế nhưng sau một thời gian chung sống sự bỗng bột trong buổi đầu không còn nữa khi sự thật đã hiện nguyên hình thì những xung khắc có cơ hội nổi dậy làm thành một cuộc trả vay khóc cười lẫn lộn ngay trong đời sống yêu đương.

Tác dụng giải trừ bớt nghiệp quả xấu này gọi là ban ơn, là sự ân xá của Đức Chí Tôn trong Tam Kỳ Phổ Độ. Nhiều người tín đồ không hiểu rõ về tác dụng Thần quyền này lại cũng không có đức tin vững mạnh nên đã xem Phép Hôn phối là một nghi lễ thêm phiền phức, họ quan tâm đến tiệc tùng, lời chúc tụng và sự vui thích trong ngày hôn lễ hơn. Đó là một sự thiệt thòi rất lớn trong suốt kiếp sanh của họ mà họ không hề hay biết vì không hiểu Đạo. Đức Chí Tôn đã ân xá cho tội tình của họ mà họ lại khước từ ân huệ ấy qua hành động từ chối phép hôn phối và để gò có được cơ hội thứ hai khi dịp may kia đã lỡ rồi.

Hành pháp xong, vị chức sắc sẽ dặn dò vợ chồng mới cưới vài lời về cách ăn ở với nhau cho phải đạo làm người. Sau khi bái lễ Đức Chí Tôn, vị chức sắc sẽ nắm tay cô dâu, chú rể đưa ra Thánh Thất, người đi giữa, cô dâu, chú rể hai bên. Có nhiều trường hợp chẳng may không gặp được vị chức sắc có đủ khả năng hành pháp hôn phối, hai đảng trai và gái vẫn đến Thánh Thất cầu nguyện nhưng không có hành pháp. Dĩ nhiên nếu lời cầu nguyện chân thành vẫn có sự cảm ứng của Thiêng liêng nhưng chắc chắn ân huệ sẽ không được đủ đầy như trong trường hợp có hành pháp linh hiển.

III.- VAI TRÒ CỦA NGƯỜI MẸ ĐỐI VỚI CÁC CHƠN LINH GIÁNG TRẦN

Vai trò này được ví như “*bụng mang đày quyền phép nắn đời*” bởi vì người mẹ có thể làm cho đời trở nên hiền lương nhưng ngược lại người cũng có thể làm cho đời trở nên quỷ mị. Người mẹ giữ vai trò của cơ quan sản xuất ra nơn loại, phép uốn nắn trẻ thơ nơi tay người không ít. Người có thể sản xuất ra hạng hiền nhân quân tử, tài trí thông minh, nhưng cũng có thể tạo ra hạng đàng điếm lưu manh.

Nếu hiểu được Đạo là máy Trời vi diệu, chúng ta cũng có thể nương theo đó mà thay đổi số kiếp của con người được phần nào. Phép sanh hóa của người mẹ thật hệ trọng đối với các Chơn linh giáng trần. Hễ cái máy xấu thì khó lòng sản xuất được vật tốt. Một người gọi là tốt thì phải tốt cả hình hài lẫn tâm hồn, hai yếu tố ấy tương liên mật thiết với nhau. Hồn tốt mà xác xấu sẽ không đủ sức làm nổi việc thế gian, xác tốt mà hồn xấu thì chỉ vụ đường vui chơi. Cái phép sửa đời tệt hóa ra hay của Đạo Cao Đài còn ngó đến tận chốn phòng the trong việc ăn ở với nhau giữa vợ chồng cho phải phép của Đấng Hóa công thì mới mong gặp được hạng Thánh Thân giáng thế. Nếu như tâm hồn của người mẹ thấp hèn như nhớp quá, thể xác ô uế, tiêu tụy quá làm sao hy vọng có đủ điều kiện sản xuất được hình hài tốt đẹp cho các Chơn linh cao trọng giáng ngự.

Ấy vậy vai trò của người mẹ đã thay nửa quyền Tạo Hóa về nên hình tướng của cuộc đời này.

IV.- ẢNH HƯỞNG CỦA ĐỜI SỐNG TÌNH DỤC

Xin tóm tắt nơi đây những lời giảng dạy của Đức Hộ Pháp về vấn đề này:

“Hồn và xác của con người tương liên mật thiết với nhau. Tinh thần của người mẹ như thế nào trong khi mang thai thì đứa con sẽ chịu ảnh hưởng giống như thế đó không ít. Ấy là một phép truyền thân, dấu chẳng linh hiển trọn vẹn, nhưng rất quan hệ. Bởi vậy trong việc ăn ở của vợ chồng, ảnh hưởng tinh thần của cha mẹ rất hệ trọng, cần phải tập đứa con trong tương lai được thông minh bằng cách chính cha mẹ phải sống với tinh thần cao thượng, để tinh thần ấy nhiễm vào bào thai từ từ.

*Bần Đạo đầu vọng ngữ nói chơi,
Dạy vợ chữa tức thời dạy trẻ.
Những trí thức tinh thần có lẽ,
Nhiễm vào tâm chữa dễ trọn tinh thần.
Có tinh thần mới có xác thân,
Biến thân đủ tinh thần quán chúng.
Trí cao thượng nhiễm từ trong bụng,
Con đẻ ra chắc đúng bức thông minh,
Tỉ khác nào tấm kiếng chụp hình,
Có bóng chổi đã in mọi vật.
Đầu mới tượng, óc còn thiếu chất,
Phần thông minh lật đặt bỏ vào,
Cây hương phân, quý sẽ đường bao.
Thì cha đã thông minh mãi đạt,
Con chắc là bác lăm quán thi,
Thần mẹ thêm cách vật trí tri,
Con ắt đặng quản tri thế sự.*

*Dầu vợ dốt hay là hay chữ,
 Nghe điều hay cư xử gia đình,
 Phép truyền thân dầu chẳng đặng linh,
 Việc dạy dỗ vợ mình còn chế sửa.
 Để ý thấy trẻ thơ nhiều đứa,
 Tánh thông minh từ thuở mới lên ba,
 Ấy là nhờ tính chất mẹ cha,
 Gặp phải phép hiệp hòa sanh đặng vậy.*

■ (Phương Tu Đại Đạo. Phạm Công Tắc)

Ấy là tích cực, còn tiêu cực thì vợ chồng nên tránh giao hoan trong lúc thể xác yếu đau và tinh thần bất ổn như đang lúc say rượu hay là vừa khi nguôi cơn giận. Bởi vì bào thai của đứa trẻ tượng hình do nơi tinh khí của cha mẹ là những chất liệu đầu tiên tạo nên hình hài nhục thể nó.

Vậy nếu tinh suy nhược, khí rối loạn thì cha mẹ làm sao tạo được hình hài hoàn hảo cho đứa trẻ, vừa ý với những Chơn linh cao trọng giáng trần.

*“Lúc vợ chồng giao tình tua để dạ,
 Luyện trí thức thông minh hòa nhã,
 Tứ đồ tường chó khá nên gần,
 Hễ thân mình thiếu khí, loạn thân,
 Thọ khí bảm nhâm thân, con dại dột.
 Cừ hoa nguyệt, bớt đi thì tốt,
 Tinh khí đầy, hài cốt trẻ tráng cường,
 Khi giao hoan có độ, có lường,
 Vợ bình, yếu, chó thường lân cận.
 Đừng nhè lúc vợ chồng đương giận,
 Mới vừa vui, vậy trận tam bàn,
 Cũng đừng quen theo phép dỗ dành,*

*Ép buộc vợ thỏa tình hoa nguyệt.
Khi thấy dáng nhụy hoa quả kết,
Thì phải toan dứt tuyệt đường ong,
Nghén ba trăng phải gắng gia công,
Dạy con trẻ còn trong bụng mẹ.*

■ (Phương Tu Đại Đạo. Phạm Công Tắc)

Đành rằng sự tấn hóa của đứa trẻ còn tùy thuộc nhiều yếu tố khác nữa như cách dinh dưỡng của người mẹ trong khi mang thai, sự dinh dưỡng của đứa bé từ khi ra đời, sự giáo dục của gia đình trong tuổi ấu thơ, sự giáo dục của học đường, ảnh hưởng của xã hội. Những yếu tố ấy cấu kết với nhau làm thành một phần nào số phận của nó. Thế nhưng, một khi đã hiểu lý đạo nhiệm mầu, con người vẫn có thể chủ định được phần nào tương lai của chính mình bằng thái độ tích cực loại trừ bớt những mầm mống của đau khổ bất kỳ lúc nào có thể làm được.

Đức Hộ Pháp đã nhắc nhở tín đồ cần loại trừ bớt những mầm đau khổ ấy ngay từ trong việc ăn ở của vợ chồng với nhau, tưởng cũng nên để ý lắm vậy.

LUẬT PHÁP ĐẠO

Căn bản về luật pháp của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ có hai phần chính là Pháp và Luật.

– Pháp là Pháp Chánh Truyền, bất di bất dịch, do Đức Chí Tôn chỉ dạy từ buổi mới mở Đạo. Đây là một văn kiện quy định các phẩm vị, quyền hạn, bổn phận, đạo phục của chức sắc. Về sau Đức Hộ Pháp có chú giải thêm nhiều chi tiết rõ ràng hơn, viết thành quyển “*Pháp Chánh Truyền Chú Giải*”. Lời chú giải này đã được Đức

Lý Đại Tiên chỉnh lại.

– Luật là Tân Luật và Đạo Luật. Tân Luật đã được Hội Thánh lập thành và Đức Chí Tôn phê chuẩn từ năm 1927. Năm Mậu Dần (1938) quyển Vạn Linh có lập thêm bộ luật nữa gọi là Đạo Luật ban hành ngày Rằm tháng Giêng năm ấy.

Ngoài ra Đức Lý Giáo Tông và Đức Hộ Pháp còn ký ban hành sáu Đạo nghị định từ năm 1930, và hai Đạo nghị định nữa vào năm 1934, cộng chung là tám Đạo nghị định thường gọi là “*Bát Đạo Nghị Định*”.

Bốn phận của người tín đồ là phải tuân theo luật pháp Đạo và bảo vệ luật pháp ấy để cho đời sống chung trong tôn giáo khỏi bị rối loạn. Chi tiết về các điều luật có đầy đủ trong các quyển:

- Pháp Chánh Truyền Chú Giải
- Tân Luật
- Bát Đạo Nghị Định
- Đạo Luật Mậu Dần (1938)

Tôi chỉ xin ghi lại nơi đây những điều luật căn bản mà bất kỳ người tín đồ nào cũng phải gìn giữ.

NGŨ GIỚI CẤM

Là năm điều cấm, nếu phạm vào tùy theo nặng nhẹ có thể bị phạt từ hình thức cảnh cáo quỳ hương, sám hối, đến bị ngưng quyền chức từ một đến ba năm.

(Chương IV. Tân Luật)

Năm điều cấm ấy là:

- 1. Nhứt bất sát sanh** là chẳng nên sát hại sanh vật.
- 2. Nhi bất du đạo** là cấm trộm cướp, lấy ngang, lường gạt của người, hoặc mượn vay không trả, hoặc chứa đồ gian, hoặc lượm lấy của rơi, hoặc sanh lòng tham của quấy, để ý hại người mà lợi cho mình, cờ bạc gian lận.
- 3. Tam bất tà dâm** là cấm lấy vợ người, thả theo đảng điểm xúi giục người làm loạn luân thường, hoặc thấy sắc dạy lòng tà, hoặc lấy lời gieo tình huê nguyệt (vợ chồng không gọi là tà dâm).
- 4. Tứ bất tửu nhục** là cấm say mê rượu thịt, ăn uống quá độ, rối loạn tâm thần, làm cho náo động xóm làng, hoặc miệng ước rượu ngon, bụng mơ đồ mỹ vị
- 5. Ngũ bất vọng ngữ** là cấm xảo trá láo xược, gạt gẫm người, khoe mình, bày lỗi người, chuyện quấy nói phải, chuyện phải thêu dệt ra quấy, nhạo báng, chê bai, nói hành kẻ khác, xúi giục người hờn giận, kiện thưa xa cách, ăn nói lỗ măng, thô tục, chưởi rửa người, phỉ báng tôn giáo, nói ra không giữ lời hứa.

TỨ ĐẠI ĐIỀU QUY

Là bốn quy điều lớn buộc phải tuân theo.

- 1. Phải tuân lời dạy của bề trên, chẳng hổ chịu cho bực thấp hơn điều độ.** Lấy lễ hòa người. Lỡ làm lỗi phải ăn năn chịu thiệt.
- 2. Chớ khoe tài, đừng cao ngạo, quên mình mà làm nên cho người.** Giúp người nên Đạo. Đừng nhớ cừu riêng, chớ che lấp người hiền.
- 3. Bạc tiền xuất nhập phân minh, đừng mượn vay không trả.** Đối

với trên dưới đừng lớn để, trên dạy dưới lấy lễ, dưới gián trên đừng thất khiêm cung.

- 4.** Trước mặt sau lưng cũng đồng một bực, đừng kính trước rồi khi sau. Đừng thấy đồng đạo tranh đua ngôi mà xem không để lời hòa giải, đừng lấy chung làm riêng, đừng vụ riêng mà bỏ việc chung. Pháp luật phải tuân, đừng lấy ý riêng mà trái trên để dưới. Đừng cậy quyền mà yếm tài người.

Nếu phạm vào một trong bốn điều quy này sẽ bị hình phạt thuyên bố đi nơi khác chỗ mình đang hành đạo.

Luật pháp Đạo tuy có nghiêm khắc thật, nhưng đó là phương pháp để kềm chế, sửa trị phàm tâm của chúng ta rất hữu hiệu. Chưa ai có thể bước chân vào lòng Thánh Điện mà không mang theo những vết nhơ bẩn trên người. Ấy vậy phải thường xuyên xét mình mới tránh khỏi lỗi lầm đáng tiếc.

KẾT LUẬN

KẾT LUẬN

HÀI SINH HOẠT MÔ TẢ NHƯ TRÊN ĐÂY KHÔNG đủ để nói lên hết ý nghĩa của đời sống một người tín đồ Cao Đài. Tuy nhiên nó cũng giúp cho độc giả nhất là các bạn đạo mới bước chân vào ngưỡng cửa tôn giáo hiểu được phần nào nhân sinh quan Cao Đài giáo.

Dù mang sắc thái nào, vai trò của tôn giáo tại thế gian vẫn mưu cầu một đời sống công bằng, ấm no, hạnh phúc, thanh bình cho mọi người. Khát vọng sâu xa ấy thể hiện rõ rệt nhất trong những sinh hoạt thường nhật của người tín đồ. Thoạt tiên là những lời cầu nguyện chân thành thường xuyên dâng lên Đức Chí Tôn mỗi khi cúng tế tại Đền Thánh, Thánh Thất hay tư gia. Rồi đến những hành động cụ thể hơn từ việc giáo dục đời sống hôn nhân cho thanh niên nam nữ, huấn luyện trẻ con, cho đến việc hướng dẫn người lớn sống với nghĩa nhân, nuôi dưỡng tinh thần dân tộc, bảo vệ giống nòi, phát triển tình giao hảo quốc tế trên căn bản đại đồng huynh đệ, lấy tình thương thay cho thù hận, nhìn nhau là anh em ruột thịt

cùng một gốc sinh ra.

Nguồn gốc ấy phải thật linh thiêng quyền phép đáng kính đáng trọng, đáng tôn sùng hơn hết mọi sự nên gọi là “*Chí Tôn*”.

Và một khi đã đặt mình trong mối tương giao Trời người hiệp nhất thì đời sống con người sẽ trở nên phong phú, sinh động vô cùng. Tâm trạng chán nản, bơ vơ, lạc lõng của người luôn thấy cuộc đời vô nghĩa là dấu hiệu nghèo nàn của những tâm hồn đã quên mất cội nguồn thiêng liêng ấy nên mới chuyên chú xây dựng một thứ hạnh phúc trên bụi trần làm đảo điên thiên hạ.

Ước gì mọi người đều rõ biết mọi lẽ ẩn vi trong các sinh hoạt thường nhật của đạo giáo, năng thuyết năng hành thì đạo giáo sẽ là vị thuốc thần hiệu chữa bệnh cho loài người vậy.

ĐỜI SỐNG NGƯỜI ĐỆ TỬ CAO ĐÀI

H U Y Ñ H T Â M